

NGU NHƯ. . .

I.- Vào Đề

Nhân khi trao đổi với Sinh viên Lê Tín, editor in chief của Nghiệp đoàn Sinh viên Việt Nam, Sinh viên Tín có nói với chúng tôi hai điều:

“ Điều thứ nhất, Sinh viên viết:” **Không sao ạ, chúng cháu luôn tiếp tục con đường Việt Nho.**” và điều thứ hai Sinh viên căn dặn: “ **Bác nhớ mở trang “ Nghiệp đoàn Sinh viên ra xem”**”.

Chúng tôi đã mở ra, đã có dịp đọc được bài văn có tựa đề: “ **Ngư như. . .** “ của nhà văn Chu Mộng Long , nhận thấy Bài Viết có liên hệ cách nào đó với tinh thần Việt Nho, nên chúng tôi mới xin đóng góp vài ý tưởng.

II.- Hai lối Suy tư và cách Hành xử Xưa Nay

Việt Nho và Triết lý An vi là công trình độc đáo và duy nhất của Triết Gia Kim Định. Công trình đã được trình làng từ hơn nửa Thế kỷ qua 46 tác phẩm, nay còn lại 33.

Tuy công trình này là nền Văn hoá Dân tộc, nền Văn hoá đã bị nạn “ **Đĩ Cường lũng Nhược** “ của Bắc và Tây phương đã làm cho tiêu trầm mất Tinh hoa qua hàng bao thế kỷ, nay mới được khai quật lên để phục hoạt lại Nội lực cho Dân tộc Vươn lên Vực dậy.

Thế nhưng số người đón nhận công trình rộng sâu này chưa được đông đảo.

Đối với thành phần thừa nhận công trình thì nhận thức cũng khác nhau vì mỗi thành phần, mỗi người ở những Không Thời gian và trình độ khác nhau, nên có cái nhìn khác nhau, nhận thức khác nhau và cách viết cũng khác nhau, tuy cùng viết về cùng một Vấn đề , nhất là Vấn đề Con Người, Vấn đề Dân tộc .

Đây là vấn đề nền tảng và phức tạp nhất, nhất là khi một số đã không còn nhận ra Hồn chung Dân tộc, **đã khiêng Hồn Mác Mao lên Bàn thờ Tổ Tiên**, lấy “ **Tình hữu ái giai cấp** “ thay thế cho “ **Tình nghĩa Đồng bào** “!

Còn thành phần không tin cứ đình ninh rằng, **Việt Nam làm gì có Văn hóa, có chăng là học Tàu học Tây, nhưng càng học Tàu học Tây thì càng sa đoạ**, vì chỉ học được cái phần Dở nhất của người ngoài, nhất là học say mê độc được “ **trục vật** “ của CS cũng như lũng mẫn trên Trời Mây của Pháp để quên Đờn nô lệ !

Một cách tích cực thì Tình trạng này sẽ giúp cho cái nhìn về Văn hoá Dân tộc một cách phong phú hơn, sáng rõ hơn nhờ các khía cạnh khác nhau, nhưng về mặt Tiêu cực thì nhiều khi gây ra tình trạng tranh dành Phải / Trái, Hơn / Thua làm phân hoá các thành phần trong Dân tộc. Trong chế độ Dân chủ người ta chấp nhận và tôn trọng những Di biệt của nhau, sự Dị biệt giúp cho cuộc sống phong phú hơn, tiến bộ hơn.

Đàng này cứ bám vào lối phản biện vật một chiều như thường xảy ra để bảo vệ lập trường Duy lý nguy hiểm thì chỉ gây chia rẽ.

May thay, nền Văn hoá của Chúng ta có nền tảng từ cặp đối cực Dịch lý mang tính chất “ **chấp kỳ lưỡng đoan** “ nghĩa là bao dung cả hai mặt Tích cực và Tiêu cực, mỗi đối phương vừa đấu tranh vừa hợp tác theo nguyên tắc “ **Đoãn chấp kỳ Trung** “ nghĩa là theo nẻo Công chính hầu được Tiến bộ và luôn ổn định để hoà với nhau, chứ không là thứ Duy lý một chiều của “ **Mâu thuẫn Thống nhất**, để trở nên Duy lý cực đoan, không chấp nhận nhau mà quyết loại trừ

nhau, gây ra cảnh Phân hóa xã hội trầm trọng mà ngay nay chúng ta đang mắc phải mà chưa có lối thoát .

Thiết tưởng chúng ta cần nhận diện hai lối Tư duy của Đông phương và của Tây phương có nguồn gốc rất khác nhau:

III.- Sự khác nhau giữa hai nền Văn hóa

Nguồn gốc của Văn hoá Nông nghiệp Đông phương là Dịch lý với nguyên tắc: “ **Chấp kỳ lưỡng đoan và Đoãn chấp kỳ Trung** “, tuy có mâu thuẫn với nhau, nhưng cả hai bên không loại trừ nhau, mà chấp nhận đối thoại theo giải pháp Chính Trung (tương đối công bằng) hầu đạt tới giải pháp khả chấp, tuy kết quả không đồng đều nhưng không bên nào bị thiệt hại hay thắng lợi hoàn toàn, cuộc đối thoại theo hai chiều “ **Có Đi có Lại để Toại Lòng nhau** “ giúp hai bên vừa Tiến bộ vừa sống Hoà với nhau. Hoà là mục tiêu tối hậu giúp con Người Hạnh phúc, đây là giải pháp Lưỡng lợi trong xã hội (win – win solution).

Tuy Hoà là phải nhún nhường, nhún nhường nhau cái Nhỏ để bảo vệ cái To, nhưng “ đừng làm Hoà là giải pháp ba phải hay yếu hèn, muốn đạt giải pháp Hoà loại này thì phải Hùng Dũng: Hùng là sức mạnh Vật chất để đối phương không thể qua mặt, Dũng là Dũng khí của Chính nghĩa mà đối phương phải Tâm phục để chịu khuất phục mà trở về với Chính nghĩa Dân tộc.

Còn gốc của nền Văn hoá Du mục Tây phương có nguồn từ “ **Mâu thuẫn thống nhất** “ có tính cách Một chiều, không chấp nhận đối phương, họ chủ trương “ **có Ta mà không có Người**”, đây là **giải pháp Hòn / Thua** (win – loose solution) gây ra cảnh Được / Thua, Hòn / kém, Ngu / Thông, nguồn của sự phân hóa có hại cho sự Đoàn kết Quốc gia, thay vì tranh đấu để Tiến bộ và ổn định thì gây ra đổ vỡ.

Do đó mà cách viết của hai bên cũng khác nhau: Bên này có tính cách cực đoan, cho Chân lý chỉ có Một, họ chẳng để ý rằng tuy Chân lý chỉ có Một, nhưng cách nhìn của mỗi người mỗi phái lại khác nhau, vì họ ở những Không và Thời điểm và Trình độ khác nhau, nên có ai nói khác thì họ cho là Tà đạo, họ bèn Nhân danh Chân lý để tiêu diệt đối phương, họ dùng bất cứ phương tiện nào (Bạo lực và gian dối) để quyết dành phần thắng, họ quyết đẩy đối phương vào chân tường, nên cuộc chiến hai bên đưa đến tình trạng “ **Một Mất Một Còn** “, gây ra bao đau thương đổ vỡ cho Dân tộc, chưa có Dân tộc nào trên thế giới bị áp bức bóc lột bách hại một cách thâm lâu dài như Nhân dân Việt Nam!

Nguồn gốc của khổ đau cho con Người và sự tan hoang của Dân tộc đa số đều xuất phát từ nền Văn hoá Du mục, đây là di sản Văn hoá chỉ có một chiều của Chế độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân và nhất là Cộng sản. **Bản chất của nền Văn hoá Du mục này là Bạo động, gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng !**

Theo Tinh thần Triết lý An vi, thì khi tranh luận về bất cứ vấn đề nào thì nên **viết theo lối Tử giáo**, nghĩa là viết theo lối so sánh để làm sáng tỏ Vấn đề.

Theo **tinh thần của Văn hoá Nhân bản** thì cho dù là người cao trọng nhất cũng như người cùng đinh thì họ vẫn là “ **Nhân linh ư Vạn vật** “, nên trong cách đối xử với nhau, tuy với đối phương, ngay với cả kẻ thù, họ không khinh miệt nhau, mà chỉ làm sao trình bày rõ sự công chính của Vấn đề, sự nguy hại của hành động đối phương, nên khi viết họ không viết sát phạt nhau, miệt thị nhau chỉ làm cho sự khác biệt đôi bên về con Người và Tinh thần Dân tộc càng xa cách nhau hơn, vì **mục tiêu của mình là tranh đấu để giúp đưa mọi người quay về Chính**

nghĩa Dân tộc, chứ không mang ảo tưởng là diệt cho hết đối phương để mình độc trị một phương.

Khi viết về màu Đen của thứ mà mình không thích thì nên viết về màu Trắng của thứ mình ưa để làm nổi bật sự Lợi / Hại của mỗi bên, hầu giúp cho sự lựa chọn hay chấp nhận của đôi bên được thích hợp hơn..

Khi viết về điều Ác của đối phương thì mình cũng phải nêu ra điều Thiện về phía mình để làm sáng rõ ra sự khác nhau giữa Phải / Trái của mỗi bên, hầu giúp người ta có sự lựa chọn có lợi cho cả hai bên, đó là lối viết công bằng để cảm hóa nhau.

Đây là lối viết theo tinh thần Dịch lý Âm / Dương hòa hay Tinh thần Triết lý An vi- linh hồn của sự Hòa - .

Còn trong trường hợp hai bên không chấp nhận nhau thì trước hết một bên phải có Lực mạnh hơn để buộc đối phương phải Hòa giải rồi mới dùng Dũng lực của lý Công chính mà khuất phục họ đi vào lối Hoà . Trường hợp nay xem ra khó thực hiện.

Trong bài Ngu như . . . nhà văn Chu Mạnh Long có viết đoạn như sau:

“ Tập tò viết văn ở trình độ lớp Hai mới không biết từ ghép “**Sông núi**” là danh từ đã mang nghĩa khái quát, **nghĩa biểu niệm**, đồng nghĩa với “**Quốc gia**”, “**Tổ quốc**”, không phải là “con sông” và “ngọn núi” với nghĩa **biểu thị vật thể**.

Hai từ đơn biểu vật biến thành **từ ghép biểu niệm** là hiện tượng khá phổ biến trong **tư duy ngôn ngữ** của người Việt. Chẳng hạn, cha ông, **con cháu**, **nhà cửa**, **ruộng nương**, **rường cột**, **xe cộ**, **cây cỏ**, **trời đất**, **trăng sao**,... khi sử dụng đã mất hoàn toàn nghĩa **biểu vật** mà chỉ còn **biểu niệm chung**, khái quát. Riêng từ “sông núi”, hay “đất nước” cũng vậy, là tư duy nguyên thủy, ghép cái biểu vật ban đầu trong đời sống vùng sông nước để biến thành cái biểu niệm của tư duy phát triển về sau đối với lãnh thổ hay Tổ quốc.” “.

Theo Triết gia Kim Định thì những Danh từ ghép như Sông / Núi, Quốc / Gia, Con / Cháu, Trời / Đất, Trăng / sao v. v. “ là những nét gấp đôi (*twofold feature*)” của ngôn ngữ Việt Nam, đây là những cặp đối cực hay tiểu Thái cực được phân cực từ Thái cực Âm / Dương (*Ultimate Supereme*).

Các Tiểu Thái cực là cơ cấu của Dịch về Vũ trụ quan và Nhân sinh quan của Việt Nho.

Âm / Dương là Nhất nguyên Lương cực, khi Âm Dương được Lương nhất thì đạt Âm Dương hoà .

Âm / Dương hoà là biểu tượng tổng quát của Dịch. Dịch Việt có hai các cặp đối cực nền tảng là Viên Ngọc Long toại tức là **cặp Trống / Mái** (trong truyện Việt Tinh), và cặp Chim / Rắn trong **Huyền thoại Tiên / Rồng**, và trong **Ngôn ngữ** thì toàn là **nét Gấp đôi** (*two foldness*)

Những cặp đối cực (*opposite term*) như **Gái / Trai**, **Mái / Trống**, **Cái / Đực**, **Nhụy Cái / Nhụy Đực** khi được kết hợp thành Một hay Lương nhất thì trở thành **nguồn Sinh Sinh Hóa Hóa trong Vũ trụ**. Nếu không có các cặp đối cực trên được Lương nhất thì quả Đất của chúng ta chỉ là một bãi Sa mạc mênh mông.

Chúng ta lấy ví dụ **Tình / Nghĩa Vợ / Chồng** khi được kết hợp làm Một để làm sáng rõ tinh thần **Âm / Dương hoà** .

Gái / Trai là cặp đối cực, khi được kết thành Vợ / Chồng thì mới có dịp cho hai Thể xác và Tinh thần trở nên Một hay thành Lương nhất (2 →1), khi đã Lương nhất thì mới sinh sôi nảy nở dòng giống đông đảo mà lập thành Gia đình, Quốc gia được, khi có hành xử công bằng với nhau thì mới Hòa với nhau. Nói cách khác:

*Nhờ **Tình yêu** hay lòng **Nhân ái** mà cặp đối cực **Gái / Trai** tìm đến với nhau, kết thành **Vợ Chồng** để hai Tâm hồn và Thể xác trở nên **Một (Lương nhất)** .*

*Khi chung sống với nhau thì hai bên phải hành xử **Công bằng** với nhau hay theo **Nghĩa** (hay theo Lý Công chính) thì mới **Thuận hòa** với nhau mà lập thành **Tổ ấm Gia đình** .*

***Tình / Nghĩa** không những là những là keo sơn gắn bó **Vợ / Chồng Sống / Chết** với nhau , mà cũng là mối **Dây Đoàn kết Dân tộc** .*

*Muốn có **Tình** thì phải **Tu trì**, khi đã có **Tình** thì lại phải **Hành xử Công chính** với mọi Người để **Hoà** với nhau. **Hoà** là đỉnh cao của **Tôn giáo**, của **Văn hoá**, **Bất Hoà** gây khổ đau cho con Người, gây tan nát **Gia đình** và làm rối loạn **Xã hội**. Có tháo gỡ được nan đề **Bất Nhân** và **bất Nghĩa** (gây hành động **bất Công**) thì mới mong **Xây Nhà, Dựng và Cứu nước** được.*

***Nhân / Nghĩa** là **Thần dược** để **Cứu nước** và **Dựng nước**, vì **Cặp đối cực Nhân / Nghĩa** là **Dịch lý** hay **Thiên lý**, khi được **Lương nhất** thì đạt **Tình trạng Âm / Dương hoà** .*

***Hoà** là mục tiêu cao cả và rất khó đạt, vì phải hành xử hàng ngày làm sao cho mọi cặp đối cực liên quan đều được **lương nhất**, chỉ có **Lòng Rộng** để chấp nhận nhau và có **Trí sáng** suốt để hành xử công chính thích hợp với từng người từng hoàn cảnh mới đạt được, **Hoà** đòi hỏi phải có **nghệ thuật sống** với **Lòng rộng Trí sâu** và hành xử thật uyển chuyển mới thực hiện nổi.*

*Ngày nay, nghe nói đến **Nhân / Nghĩa** là người ta chê bai, dè bĩu, xa lánh, vì cái **Miệng** của những người quyền thế cứ cao rao **Nhân Nghĩa**, mà việc làm thì lại **Bất công**, thay vì chống hành động người làm chuyện **Bất công**, mà lại ghét lây luôn và **bất tín** nhiệm danh từ **Công bằng, Nhân ái**, thậm chí còn gán cho **Giá trị Nhân / Nghĩa Tổ Tiên** là **quê mùa lạc hậu**, thực ra **Lòng Nhân ái** và **Lý Công chính** hay **Tình Lý** là **Nhân Tính bất biến** của con Người, đó là những giá trị không đổi thay theo **Thời gian** vì thuộc về “ **nguồn Tĩn nơi Tâm linh** không có **biến đổi** “ , chỉ khi nào, con Người không tu tập và hành xử đúng theo **Tinh thần Tình / Lý** thì mới vô tác dụng.*

*Theo **Dịch lý**, khi các cặp đối cực trong **Vũ trụ** kết thành **Lương nhất** thì tạo nên **Tiết Nhịp Hoà** của **Vũ trụ**. (**Cosmic rhythm**).*

Nạn ô nhiễm môi trường ngày nay như ô nhiễm không khí, đất đai, nước ô nhiễm, nhất là năng lượng (gồm cả Tư tưởng Duy lý gây bất Hòa) làm rối loạn Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ.

IV.- Vũ trụ quan của Việt Nho

Tổ Tiên Việt nhìn Vũ trụ qua lăng kính “ **Nhất Nguyên lưỡng cực** “ hay **Thái cực Âm / Dương**. Thái cực Âm / Dương được phân ra thành Tiểu Thái cực, tương tự như Phân bào trong Sinh học.

Chúng ta tìm thấy quan niệm về **Nhất nguyên Lưỡng cực** cũng như **Tam Tài** trong truyện Ông Bàn Cổ:

“ **Hỗn mang chi sơ, vị phân Thiên / Địa, Bàn Cổ thủ xuất, Thủy phán Âm / Dương, Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhân sinh ư Dần:** Lúc ban sơ là một khối Hỗn mang < **VÔ CỰC** >, Trời / Đất chưa được phân chia, Ông Bàn Cổ xuất hiện đầu tiên chia ra Âm / Dương: **Thái cực**; < Vô / Hữu >, Trời được mở rộng ra vào giờ Tý, Đất vào giờ Sửu và con Người vào giờ Dần < **Tam Tài** >) “.

Chúng ta đơn cử một số tiểu Thái cực trong một số lãnh vực :

1.- Trong **Vũ trụ**, chúng ta có các cặp đối cực như : **Vũ / Trụ, Thời gian / Không gian, Sức Quy tâm / Sức Ly tâm, Năng lượng tối / Năng lượng sáng**. Vũ trụ này được cấu tạo bởi Năng lượng tối và năng lượng sáng Lưỡng nhất, nhờ hai loại năng lượng Lưỡng nhất mà cuộc vận hành mọi thứ trong Vũ trụ mới biến chuyển bất biến được theo Dịch lý.

Thời gian thì có : **Quá khứ / Tương lai, Trước / Sau, Đêm / Ngày, Sáng / Tối**. . . **Quá khứ / Tương lai** gặp nhau nơi Thời điểm gọi là **Giao Thời**, **Giao thời** gồm cả **Quá khứ** và **Tương lai** nơi **Hiện Tại**. **Trước / Sau** cũng gặp nhau lúc **Bây giờ**. **Đêm / Ngày** gặp nhau lúc **Giờ Tý**. **Hiện tại**, **Bây giờ**, **Giờ Tý** là những “ **Khắc Hoà Thời** “.

Khái niệm “ Bây giờ miên viễn “ nghĩa là thời khắc nào cũng xem như là “ **Hiện tại** “ được Tổ Tiên chúng ta gọi là “ **Hiện tại miên trường** “, vì có bỏ quan niệm ôm vào **Quá khứ** để tự Tôn hay tự Ty cũng như bỏ ảo vọng vào **Tương lai** để giây phút nào cũng chỉ chú tâm vào **Hiện tại** mới giúp cho công cuộc **Vì Nhân** cũng như xây dựng **Quốc gia** được kết quả.

Không gian thì có : **Trên / Dưới, Trong / Ngoài, Tả / Hữu, Gần / Xa, Bắc / Nam, Đông / Tây**. **Trên / Dưới, Trong / ngoài, Tả / Hữu, Gần / Xa**. là các cặp đối cực đều gặp nhau ở **Giao điểm** tức là **Nơi Đây**, dầu cho chúng ta có bất cứ ở **Đâu**, thì **Đó** vẫn là **Nơi Đây**. **Nơi Đây** là những “ **Điểm Hoà Không** “.

Khi con Người luôn biết sống nhịp nhàng theo “ Khắc Hoà Thời “ và “ Điểm Hoà Không “ hay “ Nơi Đây và Bây giờ” thì sẽ “ nhập Thất “ tức là đạt **Nhân tính từ nguồn **Tâm linh**, nên hòa nhập vào được “ **Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ** “.**

Ý thức về Đây / Bấy rất quan trọng cho công cuộc Vi nhân để xây Nhà Dựng Nước đạt mục tiêu viên mãn trong hai lãnh vực :

“ Hoàn thiện mọi Việc làm bất kể lớn nhỏ “,

“ Hoàn thiện mọi mối Giao liên Hòa “ với bất cứ ai.

để cuộc sống luôn được Thân an Tâm lạc, chứ cứ Ôm lấy Quá khứ mà vui buồn và Mơ tưởng về Tương lai mà không cố vươn lên thì trước sau gì “ cũng Đi Không lại cứ Về Không “ !

Nhờ luật tự nhiên tức là Dịch lý mà các cặp đối cực (Tiểu Thái cực) đều được Lương nhất mà mọi thứ được vận hành điều hoà và bất biến trong Vũ trụ.

2.- Trong con Người thì các bộ phận đều được cấu tạo đối xứng qua Tâm, qua trục Hoành, trục Tung, nghĩa là cấu trúc đều xếp theo cặp đối cực. Các cấu trúc đều được vận hành một cách điều hoà, đặc biệt là lãnh vực **Tình / Lý, Tâm / Vật, Hồn / Xác** đều cần được lương nhất theo **Âm / Dương** hoà thì cuộc sống mới được yên ổn hạnh phúc.

3.- Trong **Triết học** thì Triết lý **Vô vi** của Ấn Độ và Triết lý **Hữu Vi** của Tây phương được lương nhất thì trở thành Triết lý **An Vi**.

4.- Trong **Toán học** thì có: **Số Lẽ / số Chẵn, số Âm / Số Dương**, (Số Hữu tỷ / Số Vô tỷ),
Tích phân/ Vi phân, $-\infty/+\infty$ (vô cực Âm / vô cực Dương)

a.- Khi số **Dương** và số **Âm Lương nhất** thì có kết quả là 0.

b.- Khi **Số Lẽ** và **số Chẵn** được xếp với nhau theo hình **Lạc thư** thì sẽ đan kết với nhau, cá biệt hóa mà sinh **Vạn vật** (Xem Lạc Thư Minh triết của Kim Định)

c.- Khi **Cộng vô cực Âm** ($-\infty$) với **vô cực Dương** ($+\infty$), ta có kết quả là 0.

0 này gồm cả **Tinh vi / Vĩ đại**, tức là **VÔ CỰC** hay Chân Không diệu hữu, do đó mà có câu : “
Hữu sinh w VÔ “

5.- Trong **Điện học** thì có **ion - / ion +**, khi giao thoa với nhau thì tạo ra dòng Điện.

6.- Trong **Vật lý** thì có **Động lực / Phản lực**, **Lực Quy tâm / Lực Ly tâm**. Khi lực Ly tâm và Quy tâm được cân bằng thì các Thiên thể chuyển vận bất tận trong Không gian.

Vũ trụ của chúng ta cũng chỉ là Trường năng lượng, năng lượng phát ra dưới dạng năng lượng ba động (energy vibration) tạo nên tần số (frequency), các tần số có thể Giao thoa với nhau. khi Trí não hai người phát tần số thích hợp thì có thể giao thoa với nhau, nên thông cảm nhau, vì năng lượng luôn được bảo toàn, nếu chúng ta phát ra tần số giống như tần số của Tổ Tiên, thì chúng ta có thể bắt gặp Hồn Thiêng Sông Núi.

7.- Trong **Hóa học** thì có **Base /Acid** giúp một số phản ứng hóa học trở nên Trung hoà, trong Nguyên tử Trung tính thì **Điện tích của Electron và Proton có trị số tuyệt đối bằng nhau**.

8.- Trong **Triết học** thì có **Triết lý Vô vi / Triết lý Hữu vi**. Khi Hữu vi/ Vô vi Lưỡng nhất thì trở nên **Triết lý An vi**.

9.- Trong **Sử học** thì có **Huyền sử / Lịch sử**. Huyền sử là Gốc, Lịch sử là Ngọn của Sử Dân tộc. Khi Gốc / Ngọn được được Lưỡng nhất thì Dân tộc Sinh tồn và Phát triển.

10.- Trong **Sinh vật học** thì có **Nhụy Cái / Nhụy Đực, Noãn bào / Tinh trùng**. Khi các cặp đối cực giao thoa với nhau hay Lưỡng nhất thì tạo nên sinh vật mới.

11.- Trong **Từ học** thì có **Bắc cực / Nam cực**, khi từ lực của Nam và Bắc cực giao thoa thì tạo nên **Từ phổ**.

12.- Trong **Âm học** nếu hai nốt nhạc có **Biên độ (Amplitude)** thích hợp thì có thể **Giao thoa** tạo ra **tiếng Bồng tiếng Trầm** . . .

Đó là vài **Giao điểm Hoà** thuộc Thời Không.

Chúng ta thấy các cặp đối cực là phổ biến trong vũ trụ, **khi các cặp đối cực giao thoa hay Lưỡng nhất thì tạo nên sự Tiến bộ trong trạng thái ổn định được gọi là trạng thái Quân bình động (dynamic equilibrium) mà hoà với nhau**.

Các cặp đối cực tạo nên sự **Biến đổi bất biến** trong Vũ trụ, đó là Dịch lý.

Các cặp đối cực là nguồn **Sinh sinh hoá** trong Vũ trụ.

Các cặp đối cực chính là các **Tiểu Thái cực** được phân ra từ **Thái cực** .(Giống như sự phân bào)

Các **Tiểu Thái cực** đạt trạng thái **Hòa** theo **Quân bình động**, chỉ khi nào đạt được **điểm Chính Trung (nhờ cách Chập kỳ lưỡng đoan và biết ứng xử (đối thoại) theo lối Đoãn chập kỳ Trung)**, tức là Công bằng cho hai bên, thì mới đạt **Nghĩa**, khi các cặp đối cực trong Vũ trụ đạt **Lưỡng nhất** thì đạt **Đại Nghĩa**, nhờ nẻo **Chính Trung** mà **Hòa**, nên Nho mới gọi là **Chí Trung Hoà** khi vạn vật được sắp xếp thứ tự theo cặp đối cực.

Trung Dung có câu:

Trung giả , Thiên Hạ chi đại Bản: Cách ứng xử với nhau theo lối **Chính trung (Công bằng tương đối)** là **Gốc** của mọi sinh hoạt trong Vũ trụ.

Hoà giả, Thiên Hạ chi đại Đạo: **Hòa** mới là **Đạo lý** theo **Dịch lý (Thiên lý)** vận hành trong Vũ trụ.

Thiên Địa vị yên: khi vạn vật được xếp đúng vị trí theo **Cơ cấu Ngũ hành** tức là xếp các cặp đối cực đối xứng với nhau để tạo ra trạng thái **Hòa** trong thế **Quân bình động** thì mới luôn được **Tiến bộ**.

Vạn vật dục yên: Khi vạn vật đã được xếp đúng vị trí đối xứng với nhau và vận hành với nhau theo lối **Chính trung** thì vạn vật mới biến hoá để **Tiến bộ** và được luôn **ổn định**.

Chí Trung Hòa : Khi tất cả cặp đối cực có được vận hành theo nẻo Chí Trung thì mới đạt Chí Hoà .

Đó là ý nghĩa của Đại Đạo Âm Dương hoà.

Nho còn có câu :**Vi ngôn đại Nghĩa.** Vi ngôn đó chính là lời nói Vi diệu : “**Âm Dương hoà** “ tức là cái Hoà của tất cả các tiểu Thái cực trong Vũ trụ, cái hoà khắp mặt trong Vũ trụ theo lẽ Công chính gọi là **Đại Nghĩa.**

Đại Nghĩa là lẽ Công bằng tương đối trong Xã hội loài người mới là tiêu chuẩn quan yếu để kiến tạo Hoà bình.

Sở dĩ thế giới ngày nay đang lâm vào nạn **Đại Bất Hoà** là vì nhiều người đã dần thân vào **Đại nạn Hành động Bất công, do cái Tâm Bất Nhân.**

Rõ là “ Âm Dương hoà “ chính là Chủ đạo Hoà trong Vũ trụ.

V.- Nhân sinh quan của Việt Nho

Kitô giáo định nghĩa con Người là **con cái của Thượng Đế**, vì bị Satan cám dỗ, mắc tội Nguyên Tội, nên phạm tội chết.

Còn **Phật giáo** thì con Người là **con cái Phật**, nhưng Tâm hồn còn mang nặng Tham, Sân, Si. Còn **Karl Marx** thì con Người là **con Vật Kinh tế** .

Nho có vài Định nghĩa về con Người: Mạnh Tử thì bảo: “ **Nhân chi sơ, Tính bản Thiện**”, còn Tuân Tử thì: “ **Nhân chi sơ, Tính bản ác** “.

Khi đem lăng kính “ **Nhất nguyên Lương cực** “ vào **Nhân sinh** thì chúng ta có **Nhân sinh quan của Việt Nho: được Định nghĩa như sau:**

Nhân giả, kỳ: Con Người là :

Thiên / Địa chi Đức: Cái Đức, cái Tinh hoa của Trời / Đất.

Âm / Dương chi giao: Nơi giao hội của cặp đối cực Âm / Dương (mà sinh tồn và phát triển).

Quỷ / Thần chi hội: Nơi gặp gỡ của Quỷ / Thần (nên ai cũng có Điều Lành điều Ác)

Ngũ hành (Thủy / Hỏa; Mộc / Kim) chi tú khí : Là khí tốt của **Ngũ hành** tức cũng là khí tốt của hai cặp đối cực **Thủy / Hỏa, Mộc / Kim.** (Nên Nhân linh hơn Vạn vật)

Rõ ràng con Người được cấu tạo bởi các **Tiểu Thái cực** của **Thái cực**, con Người mang trong mình cơ cấu của Dịch lý, nên con Người là một **Tiểu Vũ trụ.**

Theo cơ cấu **Ngũ hành** thì trên là **Trời**, dưới **Đất**, giữa là **Người**, con Người chiếm vị trí trung cung hành **Thổ**, nên con Người cũng là “ **Vũ trụ chi Tâm và Nhân linh ư Vạn vật** “

Thiên (Hòa)



Nhân (Thổ: Nguồn Tâm linh)



Địa (Thủy)

Thiên + Địa = Nhân

*Trong các định nghĩa trên thì đa số đều chỉ ra, tuy con Người đều Bất toàn, nhưng còn có phần cao quý, chỉ có Marx là hạ con Người xuống làm con Vật Kinh tế, do đó mà các Tôn giáo và Nho giáo đều lo tu Thân để thăng hoa phẩm giá con Người, còn con người CS thì chỉ lo cướp đoạt Kinh tế, lúc đầu thì “ cướp người Giàu “ qua các phong trào gọi là “ Cải cách Xã hội “, tới nay lại “ cướp người Nghèo “ theo “ Quy hoạch mặt bằng “, thậm chí các Đảng chỉ “ đang cướp lẫn nhau “ qua vụ nhân danh “ làm sạch đảng”
Những nhân danh “ Cải cách Xã hội “, “ Quy hoạch mặt bằng “ cũng như “ Làm sạch đảng “ chỉ là những nhân danh che đậy tội Án Cướp!*

Ô hay! Đảng CSVN gồm những người toàn là Đỉnh cao trí tuệ và trong Lòng mang đầy Lương Tâm nhân loại, một lần đã đánh bại cả hai Đế quốc đầu sọ, (Không biết chỉ có đảng CSVN đánh hay toàn dân VN đánh ?) lúc nào cũng hung hổ làm cách mạng vô sản, sao có thì giờ nào để rơi xuống sinh mà nay phải làm sạch đảng, mỗi người cứ nghĩ xem, người CS là hạng người nào và đảng CSVN là đảng gì đây ?

Nhìn vào thực trạng Việt nam ngày nay, sau hơn 70 năm làm cách mạng triệt để, mới rõ ra là đảng CSVN rất thông tuệ trong điều Ác, mà lại vô cùng ngu dốt trong điều Thiện, họ rất thiện xảo trong con đường lối gây ra bất Hoà , trong khi cái miêng họ cứ tôn vinh Hoà bình!

VI.- Cách Tu Thân của Việt Nho

*Mỗi Tôn giáo đều có cách Tu Thân riêng, Kitô giáo thì tu sao cho đạt Đức: **Bác ái, Công bằng** và **Tha thứ**, Phật giáo thì đạt **Từ bi, Trí huệ** và **Hỷ xả**.*

*Còn **Việt Nho** thì tu theo Tinh thần **Nhất Nguyên Lương cực**. Gái / Trai là cặp đối cực, có bản sắc khác nhau, nên phải có cách Tu thích hợp khác nhau, do đó mà phải **phân cực** mỗi người Tu mỗi đường khác nhau :*

***Người Nữ** mang **bản sắc Tĩnh**, nên lên núi cao rộng ngồi yên tĩnh và bất động, bỏ những vương vấn cuộc đời để un đúc lòng Nhân, tức là “**đôn hồ nhân, cố năng ái**: Đôn hậu Tĩnh người để áp ủ lòng Nhân “.*

*Trái lại **người Trai** thì **hiếu Động**, nên phải lăn lộn nơi Biển sâu thăm để trưởng Trí.*

Nói gọn thì Gái Tu Nhân, Trai luyện Trí. Khi sống với nhau phải hành xử làm sao cho Nhân / Trí lưỡng nhất thì đạt Hùng / Dũng.

***Nhân** là Lòng Yêu thương giúp mọi người tìm đến với nhau.*

***Trí** là lẽ Công chính giúp mọi người hành xử công bằng để sống với nhau.*

Khi sống với nhau phải hành xử sao cho **Tình Lý vẹn toàn để Hoà với nhau** thì trở nên **Hùng / Dũng**. Hùng là sức mạnh Vật chất, Dũng là sức mạnh tinh thần giúp hành xử theo đường Công chính.

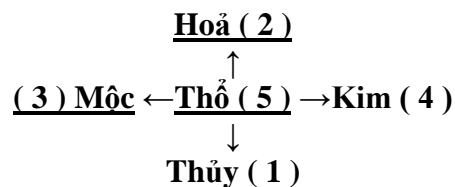
Nhân/ Trí, Hùng / Dũng là Nhân phẩm của con Người Việt Nam.

Nhân (Tình) / Trí (Nghĩa) là nền tảng của Tình Nghĩa Đồng bào .

Nhân / Trí, Hùng / Dũng là Luân thường Đạo lý Dân tộc cũng là

Tinh thần của Hiến pháp Việt Nam.

VII.- Văn Hóa Thái Hòa VIỆT



Đồ hình và Số độ của Ngũ hành

Từ các số : 1, 2, 3, 4, 5 của Số độ Ngũ hành ta thấy 2 cặp đối cực Chấn / Lẻ 2/3 và Lẻ / Chấn 3/2 có sự cách biệt ít nhất, nên cặp đối cực có thể “ Tương thời “ để đạt thế quân bình động mà Hoà với nhau. Cặp 2 / 3 hay Vài Ba là của Việt Nho, cặp 3 / 2 là của Hán Nho (Tham Thiên Lương địa) là cặp Tỷ lệ giúp các cặp đối cực đạt trạng thái Hòa. Sở dĩ có sự khác nhau đó là do cái nhìn từ Nội hay Ngoại khởi.

Bộ sách Văn hóa Thái hòa (tức Việt Nho) là nền Văn hóa **Đông (3) Nam (2)**, nền Văn hóa này có Cơ cấu là bộ **Huyền số : 2 - 3, 5 (2 + 3 = 5)**

Số 2 tượng trưng cho các cặp đối cực phổ biến trong Vũ trụ, đây là nguồn Biến dịch bất biến trong Vũ trụ .

Số 3 tượng trưng cho con Người **Nhân chủ** (Không Duy Tâm cũng không Duy Vật , mà sống theo Dịch lý Âm / Dương hòa) nên đạt **tính chất tự Chủ, tự Lực, tự Cường**.

Số 5 tượng trưng cho **nguồn Tâm linh** tức là nguồn Sóng và nguồn Sáng. Nguồn Sóng là **Vật Chất**. Nguồn Sáng là Tinh thần: **Nhân / Trí** hay **Nhân Nghĩa**, khi sống sao cho **Nhân / Nghĩa lưỡng nhất** thì đạt **Hùng / Dũng**.

Vậy Việt Nho có :

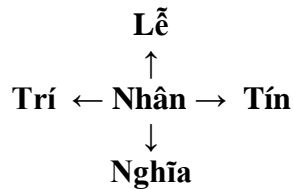
Cơ cấu là: Bộ huyền số 2-3, 5

Nội dung (Theo Tinh thần **Triết lý An vi**) của Việt Nho là:

Thái hòa (2) Nhân Chủ (3), Tâm linh (5)

VIII.- Lộ đồ Tu, Tề của Nho

Vì Tu thân theo lối **Nhất nguyên Lương cực** cũng là theo Ngũ hành, nên chúng ta có thể sắp xếp Ngũ Thường và Ngũ luân theo Cơ cấu Ngũ hành.



Hình Ngũ Thường

Ngũ Thường : Nhân Đức thường xuyên phải Tu trì.

Nhân là Đức nền tảng, là Góc, còn **Lễ, Trí, Tín** là Ngọn, mỗi Đức đều có hai chiều. nên **Lễ, Trí, Tín** có thể gom lại là **Nghĩa** hay **Trí** .

Nhân: Ái Thân / Ái Nhân: Yêu Minh / Yêu Người (Lương nhất : LN)

Lễ: Cung kỹ / Kính Tha: Trọng Minh / Trọng Người (LN)

Trí: Trí Kỹ / Trí Bỉ: Biết Minh / Biết Người (LN)

Tín: Tín Kỹ / Tín Tha: Tin Minh / Tin Người. (LN)

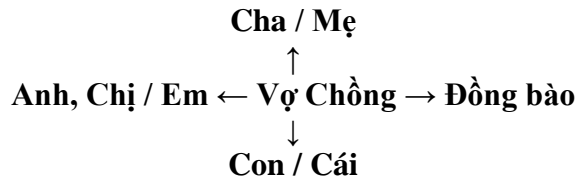
Tinh chất hai chiều của mỗi Đức là hai đầu mỗi giúp cho lối hành xử Chính trung để đưa tới kết quả Hòa .

Nghĩa (Lễ Công bằng theo hai Chiều) là trách nhiệm hai Chiều: Có Đi có Lại, nên **Lễ, Trí, Tín** có thể tóm lại là **Nghĩa** hay **Trí** .

Nhân là Góc (Nội: trong cách xử Kỹ) , Nghĩa là Ngọn (Ngoại: Trên đường Tiếp vật)

Ngũ thường tóm lại là **Nhân / Trí** hay **Nhân / Nghĩa**

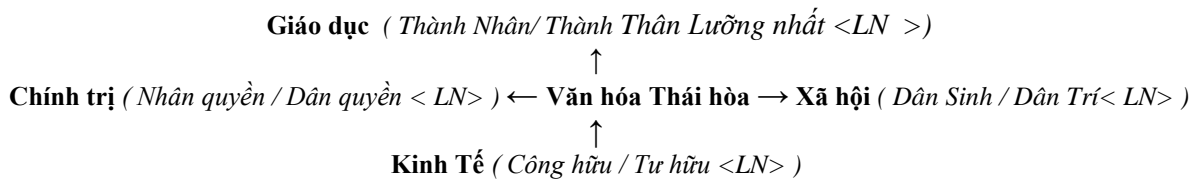
Khi Nhân / Trí hay Nhân / Nghĩa lương nhất thì đạt Hùng / Dũng



Hình Ngũ Luân

Ngũ luân là 5 mối Liên hệ theo Tình / Nghĩa để sống Hoà với nhau.
*Việt Nho tôn **Luân Vợ Chồng lên làm Đệ Đạo**, vì là cái Luân nền tảng cho các Luân khác, nên Tổ ấm Gia đình được chọn làm nền tảng cho Quốc gia. Còn Hán Nho thì tôn **Quân lên hàng đầu theo thứ tự : Quân, Sư, Phụ.***

IX.- Lộ đồ Trị, Bình



Khi các Cơ chế xã hội đều được sắp xếp theo các cặp đối cực thích hợp và vận hành theo Dịch lý thì sẽ được Tiến bộ và luôn ổn định.

X.- Kết luận

*Việt Nho đã đi suốt một mạch từ **Thái cực qua Vũ trụ quan, tới Nhân sinh quan và Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình** theo Dịch lý, đó là nhờ sợi chỉ Hồng “ **tiểu Thái cực** “ liên kết mọi phạm trù khác nhau thành một Hệ thống có mối Liên hệ Cơ thể sống động.*
Cách khác các Tiểu Thái cực Hòa là nét Nhất quán xuyên suốt nền Văn hoá Thái hòa Việt.

Đây là CHỦ ĐẠO HÒA của Dân tộc Việt Nam.

BẤT HÒA của bất cứ Chủ thuyết nào cũng không là Chủ Đạo của Dân tộc Việt.
Có điều Khác quan trọng là Sống Hoà với nhau thì khó như lên Trời, còn ăn ở Bất hòa với nhau thì dễ như đốt Lông!

Thiền ngữ Chủ Đạo Hoà bắt nguồn từ “ Nhân Tâm Thiên lý hồn nhiên Nhất thể: Lẽ Trời (Thái cực) và Lòng Người (Tiểu Thái cực) có cùng Bản thể hồn nhiên nghĩa là cả hai đều như nhau, không biết khác nhau chỗ nào, (chỉ là Thái cực “ Âm Dương Hoà với tiểu Thái cực

Hòa), nên “ không riêng cho một Tôn giáo, Đảng phái Chính trị hay một Phe phái nào, mà chung cho toàn dân, chắc sẽ dễ được Toàn dân chấp nhận, vì khởi điểm mang tính chất “ **Nhất lý thông, Vạn lý minh**”.

Nhất lý thông là Thái cực, Vạn lý minh là tiểu Thái cực, đây là nguồn Thái Hòa mang theo Đại Nghĩa giúp quy tụ Toàn dân vào một khối.

Khi giải quyết được việc đoàn kết Dân tộc thì khi đó toàn dân mới chung Lòng chung Trí và góp sức xây dựng Gia đình và Quốc gia.

Điều đặc biệt hơn nền Văn hoá của Tổ Tiên được xây trên cái Kiềng Ba chân: Thái Hoà, Nhân Chủ, Tâm linh nên có đủ mọi yếu tố để xây dựng một nền Dân chủ Tân tiến.

Thái hòa bắt nguồn từ Thái cực Âm / Dương Hoà

Nhân chủ vì không Duy Tâm cũng không Duy Vật, mà **Tâm / Vật hài hòa.**

Tâm linh là Nguồn Sống / Nguồn Sáng:

Nguồn Sống là Vật chất

Nguồn Sáng là Tinh thần: Nhân / Nghĩa: Hùng/ Dũng.

Một Dân tộc mà bỏ Nhân / Nghĩa; Hùng/ Dũng mà chạy theo lối “ Duy lý Độc đoán một Chiều “ thì chỉ chạy quanh, hò hét, cầu xé nhau, đấu tranh kịch liệt với nhau , mà đem nhau xuống hố !

Thiển nghĩ Dân tộc chúng ta vì bỏ Gốc Tổ : “ Thái hoà, Nhân chủ và Tâm linh “ , ăn phải của Độc Duy Lý nên Xuống Hố Cả Nước (X. H. C. N.) !

Đặc biệt, trong cái Hoạ 1975 vẫn có chứa cái Phúc, đó là ngày nay đất nước chúng ta đã có vô số chuyên viên mọi ngành khắp nơi trên thế giới Văn minh, từ Văn hoá, Chính trị, Giáo dục, Kinh tế nhất là khoa học kỹ thuật mọi ngành, đến cả quân sự mà ít nước có được.

Nếu thành lập được một chế độ mới tổ chức theo Thể chế Dân chủ tân tiến thì chắc con em ở nước ngoài không ngần ngại gì về nước mà xây dựng lại cơ đồ Quốc gia, lại nữa nếu chúng ta có tinh thần tự Chủ, tự Lực, tự Cường thì công trình Vươn lên Vực dậy sẽ đem lại kết quả tốt đẹp. Hãy chấm dứt cái lối “ khích bác vấp nhau” một chiều, bêu xấu nhau, để đạt cái Hon Thua cá nhân, mà tìm cách Hoà giải mọi thứ theo đường Công chính mà tiến lên, nếu không, thì không sao thoát cảnh trầm luân!

Vấn đề khẩn thiết đầu tiên là phải có được phong trào Canh tân cuộc sống toàn dân để chấn hưng Tình Nghĩa Đồng bào, có thực hiện được vấn đề quan trọng này thì Dân tộc mới có Nội lực hầu đáp ứng được muôn vàn khó khăn trước mắt.

Triết gia Kim Định đã nhắc tới sự cần thiết của việc Tu Thân như sau:

“ Vì thế mà **Quân tử lập kỳ Đại**". Người Quân tử trước hết đặt vững nền móng cho cái Đại, cái Gốc.

Mà **lập kỳ Đại** chính là **Tu thân**. Tu thân mới là bản Gốc, ngoài ra Kinh tế, chính trị, Ngoại Giao... tuy không ai dám chối là cần, nhưng cần hơn cả là Gốc. Chính Gốc mới là phần "thành Nhân". Nếu chỉ luyện nên những thứ “ Chuyên môn “ mà không có luyện cho thấy cái Toàn thể nơi con Người, thì đừng nói thiếu Tâm hồn, mà thiếu ngay cả đến Lương tâm nghề nghiệp. “

(Tâm tư. Đường lệ chi hoa. Kim Định)

Có tu Tâm thì mới có Nội lực mà chống Bất công, cuộc đấu tranh của Kẻ yếu chiếm số đông chống kẻ mạnh số ít cũng cần phải có phương pháp mới thành công, gương đấu tranh của Thánh Gandhi còn đó.

Nguyên tắc của cuộc tranh đấu Bất bạo động của Thánh Gandhi như sau:

"A anti B adopte progressivement les moeurs, les gestes même du parti B. Les deux adversaires sont sur les même plans: ils sont modifiés par une sorte d'induction assimilatrice.

Les vraies victoires et les vrais progrès sont, obtenus au contraire lorsqu'on oblige l'adversaire à se dévaloriser lui même en refusant d'entrer dans son jeu, en maintenant avec vigueur son ordre propre dans lesquels les valeurs de l'autre se déforment et perdent tout le sens."

(Le principe de non-violence de Gandhi repose là-dessus". Ruyer: Le monde des valeurs p.52)

"Trong khi A chống B thì lần lần A thâm nhận lẽ lối cư xử của B. Vì cả hai đối nghịch cùng đứng trên một bình diện, nên họ bị biến dạng theo lối thâm hóa tầm nhuần, nghĩa là ngoài chí muốn và ý thức của họ.

Ngược hẳn lại những trận thắng trung trực, những bước tiến bộ chân chính chỉ sở đắc khi người ta buộc đối phương phải tự mình hạ giá mình bằng cách từ chối đi vào kế hoạch của họ, bằng luôn luôn duy trì Nguyên lý an bài đặc trưng của mình theo đó thì những giá trị đối phương sẽ tự biến dạng và mất hết ý nghĩa. Nguyên lý bất bạo động của thánh Gandhi y cứ trên đó".

(Tâm tư. Đường lệ chi Hoa . Kim Định)

Cuộc tranh đấu cho Công lý ngày nay không chỉ cần có Vũ lực để thủ thắng mà cuộc đấu tranh Bất bạo động còn cần đến Dũng lực của Tinh thần để ngăn chặn mà cảm hóa đối phương đi theo Chính nghĩa.

Vì "Mạnh chống mạnh chấp ", nên khi chống Cộng một cách cực đoan thì mình trở thành cực đoan như CS, khiến cho cuộc đấu tranh ngày càng cam go hơn.

Mà mình phải Nhân ái hơn, Công bằng hơn và khôn ngoan uyển chuyển hơn, thì mới thâm hoá được họ.

Giới trẻ ngày nay rất thông minh và rất nhạy bén, miễn là giúp cho họ hiểu rõ được Chiến lược tổng quát gọi là Chủ Đạo Hoà là họ sẽ có nhiều sáng kiến để thực hiện được.

Vấn đề canh tân cuộc sống rất đơn giản, nhưng không phải dễ dàng, đơn giản là " mọi người đều cho cao thấp sang hèn cũng đều phải thương yêu nhau, kính trọng nhau và hành xử công bằng với nhau " nghe thì dễ lắm, nhưng trong thực tế " bá nhân bá tính " không dễ gì mà họ chịu thay đổi thói quen ích kỷ đã nhiễm phải đã lâu ngày, chỉ khi nào có được một

phong trào sâu rộng gây ra tinh thần Tập thể, cùng nhau vừa học vừa hành sẽ giúp họ hiểu thấu được sự quan trọng của Tinh thần “Liên đới trách nhiệm trong xã hội” mà Tổ Tiên chúng ta đã cảnh cáo: “ Khôn Độc Đại Đoàn và Tham Dĩa bỏ Mâm”, đó là hai cái Tật mà mỗi cá nhân vấp phải khi hành xử với nhau, họ chỉ lo cái Nhỏ nhặt của cá nhân mình, mà không lo bảo vệ quyền lợi Lớn của Tập thể, của Quốc gia Dân tộc, đến khi để mất cái Lợi Lớn thì cũng làm mất luôn cái Lợi Nhỏ của riêng mình trong đó. Lẽ tất nhiên khi Nước mất thì Nhà cũng tan!

Dân tộc chúng ta đã có rất nhiều kinh nghiệm đau thương này !

Xem ra, Chủ đạo Hoà của Dân tộc, hay Chính lược Quốc gia Việt Nam, tuy phải thực hiện những việc tầm thường trong cuộc sống hàng ngày, nhưng cũng khá phức tạp:

Con Người phải sống thuận theo Dịch lý hay Thiên lý, mọi người phải Tu Thân hàng ngày để sống Hoà với nhau theo Tình Nghĩa Đồng bào, và thực hiện các Cơ chế Xã hội theo Dịch lý thì mới Tồn tại lâu dài và phát triển bền vững, quả là lời nói “Vi Nhân nạn hỹ: Làm Người khó thay !” của Tổ Tiên thật chính xác.

Cầu xin Hồn Thiêng Sông Núi soi sáng và độ trì cho Tâm / Trí con dân Việt Nam được vững mạnh để mọi người chung Lòng, chúng Trí và góp Sức xây dựng lại Cơ đồ Tổ Tiên mà sống cho xứng danh với nòi giống Tiên Rồng.

Xem thế, những vị “ làm việc Công “ phải có Công tâm, nghĩa là phải có Tư cách và Khả năng thì mới có thể đem lại phúc lợi cho toàn dân, chứ hạng người Lòng Nóng Trí Can cùng mưu mánh vặt thì chỉ có thể hò hét chạy quanh làm Trò Bịp bợm!

Cuối cùng xin thưa lặp lại đôi điều thô thiển, rằng là nền Văn hoá Tổ Tiên chúng ta tuy cũ rất cũ, nhưng không bao giờ lạc hậu vì đó là Thiên lý mà ai ai cũng hiểu, lại rất dễ làm, miễn là “ mọi người quyết chí làm liên tục hàng ngày suốt đời “ là được .

Trân trọng!

Việt Nhân

Tham khảo:

(1).- Ngu như . . .

(2).- Đường lệ chi hoa

Nghiệp đoàn sinh viên Việt Nam

Ngu như các nhà văn của Hội nhà văn Việt Nam



Lễ kỷ niệm 60 năm Hội Nhà văn Việt Nam.

Tập từ viết văn ở trình độ lớp Hai mới không biết từ ghép “**Sông núi**” là danh từ đã mang nghĩa khái quát, nghĩa biểu niệm, đồng nghĩa với “**Quốc gia**”, “**Tổ quốc**”, không phải là “con sông” và “ngọn núi” với nghĩa biểu thị vật thể.

Hai từ đơn biểu vật biến thành từ ghép biểu niệm là hiện tượng khá phổ biến trong tư duy ngôn ngữ của người Việt. Chẳng hạn, cha ông, **con cháu, nhà cửa, ruộng nương, rường cột, xe cộ, cây cỏ, trời đất, trăng sao**,... khi sử dụng đã mất hoàn toàn nghĩa biểu vật mà chỉ còn **biểu niệm chung**, khái quát. Riêng từ “sông núi”, hay “đất nước” cũng vậy, là tư duy nguyên thủy, ghép cái biểu vật ban đầu trong đời sống vùng sông nước để biến thành cái biểu niệm của tư duy phát triển về sau đối với lãnh thổ hay Tổ quốc.

Vậy mà cả cái Hội Nhà văn của anh Thịnh lại dịch mù sang tiếng Anh là: “**Mountains and Rivers on the Shoulder**”. Ôn trời, sông Việt Nam có nhiều sông hung dữ, núi Việt Nam có nhiều núi đồ sộ, núi và sông không hề sụn vai hay cuốn trôi cả ngàn người trong Hội Nhà văn!

Cách dịch tiếng Anh như vậy không phải chứng tỏ trình độ tiếng Anh (nhà văn không cần biết tiếng Anh để làm gì) mà là phản ánh trình độ tiếng Việt, văn hóa Việt. Nếu không có trò khoe tiếng Anh như thế này thì ta cứ tưởng nhà văn rành tiếng Việt, văn hóa Việt, hiểu được nghĩa đơn giản của từ “sông núi” mà nhà văn đang dùng.

Đừng đổ thừa lỗi tại thằng dịch. Một thằng dịch ngu, lẽ nào một ngàn thằng khác không ngu nhưng bị... mù?

Nhà văn phải là người giỏi ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Các cháu học văn, làm văn chọn mẫu văn của nhà văn mà học mà làm. Bước qua trình độ lớp Hai, các cháu đã phải biết phân biệt từ loại, các loại nghĩa của từ. **Lẽ nào cả ngàn nhà văn của Hội Nhà văn chưa bước qua trình độ lớp Hai? Hay là nhà văn Việt Nam viết văn ở trình độ thổ dân nguyên thủy khi vốn ngôn ngữ chưa vươn đến trừu tượng khái quát của tư tưởng?**

Vậy mà gần đây, tôi thấy nhiều nhà thơ xuất bản thơ tự viết tự dịch song ngữ Việt – Anh cơ đấy!

Tấm biển này đặt ở Văn Miếu, nơi tập hợp tinh hoa trí tuệ của Việt Nam nhé anh Thịnh.

Tôi dạy văn, không mắng các nhà văn ngu thì chẳng lẽ tôi cũng ngu như nhà văn? Thông cảm nhé!

Chu Mộng Long

(2) .- III. ĐƯỜNG LỆ CHI HOA THIÊN KỲ PHẢN NHỊ

(*Trích trong cuốn Tâm tư . Kim Định*)

1. "Công hồ dị đoan tư hại dã dĩ"

Muốn thoát gọng kìm Nhị nguyên là một chuyện, mà thoát được hay chẳng lại là chuyện khác. Các triết học Tây Âu chống đối nhau: mỗi môn phái sau được đề nghị ra là để chống môn phái trước: mà tựu trung có thể quy ra Động chống Tĩnh. Héraclite đưa ra biến dịch ra chống lại bất biến của Parménide. Các môn sau đứng trong thế bất biến của Parménide để chống đối lẫn nhau. Cuối cùng đâu vẫn hoàn đó, nghĩa là vẫn mang gông Nhị nguyên.

Triết lý Ấn Độ muốn thoát Nhị nguyên bằng khước từ trọn vẹn hiện tượng với chủ trương Vô nhị. Và chúng ta đã thấy cứ nói chung vẫn không thoát gọng kìm Nhị nguyên nốt.

Sự thất bại lớn lao và lâu dài đó có một lý do sâu xa và rất tế nhị, nên cần chúng ta phải dừng lại suy nghĩ cẩn mật câu nói của Khổng Tử: "chống đối khởi đầu khác (một trong Lưỡng đoan) là điều hại:

". Công hồ dị đoan tư hại dã dĩ!, 攻乎異端 , 斯害也已 ! .

Tại sao thế? Lấy ánh sáng Kinh Dịch soi vào chúng ta thấy nguyên ủy sâu xa sự việc nằm trong cái luật Âm Dương. **Âm Dương là hai cực, hai tận cùng của Dịch trường (champ), nói cao lên là của Nhất thể Viên Dung.** Vậy cái nguyên lý căn bản của cái có cùng (tức mọi hiện tượng, mọi sự vật, mọi biến cố) đều phải thống nhất trong Nhị cực. Nhị cực chỉ tất cả những gì dị biệt phồn đa, còn Nhất thể chỉ nơi hội thông của các dị biệt phồn tạp kia. Hoặc nói theo lý luận thì Chân lý căn bản chỉ có một, duy nhất, nhưng có vô số Chân lý lẻ tẻ dị biệt hợp cho vô số những khía cạnh của vạn vật. Những Chân lý lẻ tẻ thuộc cái biết thế gian thường nghiệm chỉ cần một Lương tri thông thường lành mạnh cũng tìm ra được một số đủ để hành xử ở đời. Còn **Chân lý căn bản thì là cùng đích của Minh triết (Sagesse) của Đạo lý hay là cái biết siêu linh gọi là Trí tri. Sứ mạng của suy tư chân chính phải là nhận thức ra chân lý nền tảng đó với những mối liên hệ của các Chân lý lẻ tẻ đối với nó. Được như thế các Chân lý lẻ tẻ sẽ gia tăng phần chói sáng và hòa hợp với nhau.**

Thế nhưng trong những lối lý luận Nhị giá hay Vô nhị tiêu cực lại đi ngược với nguyên tắc trên: Vô nhị khước từ những Chân lý lẻ tẻ dị biệt, còn Nhị nguyên không thấy được . Chân lý căn bản, hay nói đúng hơn nhận làm Một trong hai cực làm Chân lý căn bản thì đó là chân lý giả tạo. Chân lý nền móng giả tạo này có đặc tính là chống đối nhau như thị / phi, bi / tử, có / không... Nay Nhị nguyên đem đặc tính đối kháng này gán cho Chân lý căn bản thì tỏ ra không biết Chân lý đó. Bởi vì một khi đối kháng thì phải ở trên cùng một bình diện mới có thể đối kháng. **Chỉ có những Chân lý hữu hạn mới có thể đối kháng.**

Vô cùng không thể đối kháng: vì đối kháng bao hàm một đối vật, đối tượng khác với Vô cùng mà Vô cùng chưa bao trùm được. Nhưng nếu chưa bao trùm được thì đó là Vô cùng giả tạo: nói khác đó chỉ là cái “ có cùng “ được lý trí phong lên “ bậc vô cùng “ nhưng lý trí có cùng không sao cấp phát vô cùng tính cho cái chi được, "phải có mới cho được ": nemo dat quod non habet. Đây là luật nền móng nên khi phạm vào sẽ nảy sinh rất nhiều tai hại mà ở đây chỉ bàn đến khía cạnh Tâm lý mà thôi. Khía cạnh đó có thể công thức hóa như sau: "**Chống đối là Chấp nhận**".

Lão Tử nói lên chân lý này trong câu:

"Trương dục nhược chi, tất cố cường chi

Trương dục phế chi, tất cố hưng chi". (ĐDK 39)

將欲弱之，必故強之；

將欲廢之，必固興之；

Muốn làm cho yếu đi tức là làm cho mạnh lên đó

Muốn phế bỏ đi tức là làm cho hưng thịnh lên vậy.

Trang Tử giảng rộng như sau: "lấy sự đối kháng (bất bình) để gây dựng an bình, thì loại an bình đó vẫn còn là đối kháng, vẫn còn là bất bình.

"Dĩ bất bình bình, kỳ bình dã bất bình,

己不平平，其平也不平，". (Trang Tử, NHK, Ngự Khâu).

Đây là một luật Tâm lý sâu xa mà chúng ta có thể kiểm chứng và hiển minh bằng một đoạn văn thời mới của Ruyer, một triết học gia về Giá trị học (axiologie):

"A anti B adopte progressivement les moeurs, les gestes même du parti B. Les deux adversaires sont sur les même plans: ils sont modifiés par une sorte d'induction assimilatrice.

Les vraies victoires et les vrais progrès sont, obtenus au contraire lorsqu'on oblige l'adversaire à se dévaloriser lui même en refusant d'entrer dans son jeu, en maintenant avec vigueur son ordre propre dans lesquels les valeurs de l'autre se déforment et perdent tout le sens.

Le principe de non-violence de Gandhi repose là-dessus". Ruyer: Le monde des valeurs p.52

"Trong khi A chống B thì lần lần A thấu nhận lẽ lối cư xử của B. Vì cả hai đối nghịch cùng đứng trên một bình diện, nên họ bị biến dạng theo lối thấu hóa tầm nhận, nghĩa là ngoài chí muốn và ý thức của họ. Ngược hẳn lại những trận thắng trung trực, những bước tiến bộ chân chính chỉ sở đắc khi người ta buộc đối phương phải tự mình hạ giá mình bằng cách từ chối đi vào kế hoạch của họ, bằng luôn luôn duy trì nguyên lý an bài đặc trưng của mình theo đó thì những giá trị đối phương sẽ tự biến dạng và mất hết ý nghĩa. Nguyên lý bất bạo động của thánh Gandhi y cứ trên đó".

Chúng ta có thể kiện chứng thêm bằng ít nhận xét sau. Không đâu chống đối dị đoan cho bằng Âu Châu thế kỷ 18, 19 với óc tôn thờ khoa học cơ khí, nhưng hiện nay có lẽ Âu Châu không thua xứ nào về dị đoan. Lấy thí dụ kinh thành Paris mà nói thì cứ 120 người đã có một thầy bói, đang khi phải có 514 người có một y sĩ, 5000 người mới có một tu sĩ. Cũng vì lý do sâu xa đó mà những người chống trả tính kiêu ngạo thường trở thành rất ngạo nghễ vì đức khiêm cung của họ. Người Cộng sản chống tín điều tôn giáo thì cuối cùng học thuyết của họ mang nặng tính chất tôn giáo. Có thể kể nhiều thí dụ...

Tất cả đều giống đàn gà trong câu truyện ẩn dụ: vì quá sợ con cáo, nên suốt đêm không ngủ, cứ nhìn trông trọc vào con cáo đứng chực dưới gốc cây: cuối cùng hết con nọ đến con kia, theo nhau rơi xuống làm mồi cho cáo.

Ta có thể giải nghĩa như sau; khi lý trí con người đã dồn hết vào một đối tượng (tượng trưng bằng rùa) thì không còn tâm trí để vào Toàn thể Viên Dung nữa, tức là không để vào Tánh Thể, hay Chủ thể (tượng trưng bằng Achilles) thì chủ thể bị quên lãng và trở nên yếu đi, nên đối tượng thắm lặn vào qua nẻo tiềm thức, nên ý thức không hay biết, và vì thế cuối cùng rơi vào chính cái mà ý chí muốn tránh hơn hết.

Đó là nguyên do Tâm lý giải nghĩa sự sa lầy của thuyết Vô nhị tiêu cực Ấn Độ, cũng như của thuyết Nhị nguyên triết Tây. Khi nhìn tổng quát các khoa lý luận cổ điển hàn lâm, Heidegger đã ví với bá tước Umchhausen sa xuống ao lầy mà cứ cầm lấy búi tóc mình mà lôi lên (Baron Umchhausen s'efforce de se tirer du marais en se prenant lui même aux cheveux). Lẽ tất nhiên càng kéo búi tóc Duy lý thì càng chìm sâu mãi xuống ao lầy.

Các cặp đối kháng: Duy Tâm với Duy Vật, thị với phi, bỉ với thử, hữu vi với vô vi... chỉ khác nhau nhãn hiệu với ít tiểu tiết, còn đại để giống nhau, miễn biết nhìn sẽ nhìn thấy.

Chân lý trên đây hiện nay đã được nhiều nhà Tâm lý học chú trọng đến và có người gọi là "cố gắng trở cờ" nghĩa là thường xảy ra chính điều mình đang cố tránh: người mới tập xe đạp chú trọng tránh con trâu sẽ xô vào con trâu. Người đang ở nơi tôn nghiêm gặp cái buồn cười mà cố gắng nín thì lại càng phì cười. Người đang bị một tư tưởng ám ảnh mà càng cố gắng bỏ, nó càng ám ảnh hơn. Người hay mắc cỡ cố sức tránh đỏ mặt lại càng đỏ mặt hơn...

Ông Coué ? gọi đó là **cái ý chí tự chống lại mình**, và ông Baudouin gọi là **cố gắng trở cờ** (effort converti) khi một ý tưởng đã gọi ra một ám ảnh, bao lâu ý tưởng đó còn làm chủ lý trí, thì hết mọi nỗ lực đưa vào chống với ám ảnh trên đều chỉ gia tăng thêm hoạt lực cho nó. Chử ám ảnh đây hiểu theo nghĩa rộng và chỉ một ý tưởng nổi bật lên nền trời ý thức hầu như cách độc chiếm. Chính sự độc chiếm đó gây nên hiện tượng "cố gắng trở cờ".

Nhiều nhà tâm lý giải nghĩa rằng sự cố gắng của ý chí giả thiết một sự chống lại, hoặc nói khác bao hàm một động tác và một điều phản động (une action et une réaction) thí dụ nếu tôi chú tâm vào một ý tưởng, thì điều đó đòi một sự cố gắng và một sự chống lại (kéo lại); như vậy không phải là tôi có một ý tưởng, nhưng có hai ý tưởng trái ngược nhau, với hai ám thị chống đối nhau và do đó hoặc trung hòa nhau, hoặc nghiêng sang phe chống lại: nên xảy ra hiện tượng trái ngược ý muốn. Và cũng vì lý do đó người ta dễ mắc thói quen xấu cố gắng tránh bỏ hơn thói quen tốt. Vậy phải làm thế nào cả trong việc luyện tập những tính tốt cũng như trong việc suy tư? Thưa phải đi theo lối "xả" đặc biệt nghĩa là vừa thanh thoát

trong tư thế vừa không chú trọng đến đối tượng. Đó là lối suy tư theo quẻ Quan trong Kinh Dịch. Lời Kinh rằng:

Quán nhi bất tiến, hữu孚 顯若. Tượng viết : Đại quan tại thượng, thuận nhi tôn. Trung chính dĩ quan thiên hạ.

灌而不進 . 有孚 顯若 . 象曰 . 大觀在上 . 順而巽 . 中正以觀天下

." Dịch: rửa tay trong sạch mà không tiến (ý nói không can thiệp vào sự diễn biến của mọi sự vật, mọi ý tưởng đi qua). Đây lòng tín nhiệm và cung kính (không có ý ngờ vực mà cũng không có ý đánh úp để bắt lấy). Xem từ trên cao xuống một cách thuận theo và từ tôn (đây nói là ý tưởng không nên can thiệp vào đường vận hành của tư tưởng), nhưng lấy cái mình làm trung điểm để ngắm nhìn các biến cố, hiện tượng trôi qua.

Đó là lối suy tư của **quẻ Quan** nó không dùng sức hay cố gắng để ý đến một vật nào hay một ý nghĩ riêng biệt, nhưng để lòng thanh thoát nhẹ nhàng và không sùng ái một đối tượng chọn lọc (chữ Tiên có nghĩa là cúng tế mà không dùng sức vật, dầu thế cũng không tiến). Nhờ đó Ý thức và Lý trí như lơ lửng và Tiềm thức hầu như nhô lên mặt Ý thức làm nảy sinh nhiều tư tưởng bất ngờ và thường rất trung thực bao la. Sở dĩ như thế là vì thực tại tự thân là một cái gì toàn thể, cần toàn thể con người phơi mở ra để đón nhận. Vậy mà khi ta chú trọng đến một vật thì lý trí cũng như ý muốn bị huy động trọn vẹn. Cả đến những gân mạch cũng trương lên (hãy nghĩ đến bức tượng "kẻ suy tư" của Rodin) toàn thân như co dúm vào một điểm nhỏ. Ngược lại trong lối Tâm tư theo Quan Đạo thì lý trí cũng như ý muốn không bị huy động để giăng lưới phủ kín khắp nền Ý thức, đến nỗi Tiềm thức không còn chỗ để nhô lên bằng những mơ màng lúc thức, những phóng tượng, vì đó là những hình thái, những sơ tượng mà tiềm thức dùng để chờ đợi xuất hiện. Khi nào tâm trí ta thư thả thì tiềm thức có thể nhô lên để cùng với ý thức làm nên một trạng thức lưỡng diện là trạng thức thuận lợi nhất cho sự nảy sinh những tư tưởng trung thực vốn cũng lưỡng diện.

Đó là đại để lối suy tư theo quẻ Quan (Quan Đạo) nó giàn hòa giữa duy giác (Tây Âu) và tuyệt giác (Án Độ). Chúng ta sẽ bàn tiếp trong các chương triết sau. Ở đây hãy xét trước hết tại sao không nên biệt dụng tai mắt (duy giác).

2.- Nhĩ mục chi quan bất tư

Tai mắt và lý trí là những cơ năng có cùng không sao đạt được cái vô cùng. Dùng những sản phẩm trực thị của chúng (données immédiates sensorielles) là việc của lưu tục, của chân lý thế gian... Bên Viễn Đông môn phái **Mặc Dịch** chủ trương dùng "tai mắt trăm họ" y như Nhị nguyên, và cũng dẫn đến những luận cứ giống như của Zénon, nhiều câu y hệt. Chẳng hạn câu "cái giây một thước mỗi ngày lấy đi một nửa, muôn đời không hết" giống hệt lý luận của Zénon. "Nhanh như tên bắn mà cũng có lúc không đi không ngừng" hay câu "bóng chim bay không hề động đậy" (thi điều chi ảnh vị thường động dã. Thục II. 108) thì giống hệt luận cứ cái tên của Zénon. Nhưng thay vì đưa những lối luận cứ đó ra để xây nên luận lý như Aristote đã làm, thì bên Viễn Đông các triết gia từ Tuân Tử đến Vương Sung đều đồng thanh cự tuyệt. Ở đây chỉ trưng làm thí dụ một câu nhẹ nhàng hơn cả của Mạnh Tử, nhưng đầy ắp tính chất hiện thực hợp thời.

Khi Công Đô hỏi thế nào là tiểu thể và Đại thể, Mạnh Tử đã không trả lời trực tiếp bằng xác định: vì Đại thể là chân lý muôn thuở vô biên không thể xác định và ông trả lời theo phương pháp tác dụng, nghĩa là

theo đường lối hiện thực rằng: " **Nhĩ mục chi quan bất tư, nhi tế u vật: vật giao vật, tắc dẫn chi nhi dĩ hĩ. Tâm chi quan tắc tư. Tư tắc đắc chi. Bất tư tắc bất đắc dã.**

耳目之官不思，而蔽於物，物交物，則引之而已矣。心之官則思，思則得之，不思則不得也。 Mạnh VI.15.

Dùng dữ kiện của tai mắt mà suy luận thì không phải là tư, nhưng chính là vướng mắc vào sự vật, nên vật ở trong (ý niệm) sẽ giao với vật ở ngoài để dắt người suy tư kiêu đó xa khỏi Đại thể hay là nhân tính. Vậy phải dùng Tâm mới là Tư chân thực mà có tư chân thực mới đắc chân lý nền tảng (Đại thể) còn không tư (hay tư theo dữ kiện tai mắt) thì không thể Đại thể, hay là nguyên lý sống động truyền sinh lực vào cho các tiểu thể là những chân lý vụn mảnh, xé lẻ, dị biệt.

Lý do là vì tai mắt là những cơ năng dựa vào nhục thể có hạn, còn lý trí chỉ là nơi quy tụ nhào nặn những sản phẩm giác quan đó để tạo thành những ý niệm này nọ kia khác, rồi gọi là vật, mà thực sự không là vật tự thân mà chỉ là nội dung trừu tượng của lý trí, của giác quan: nhĩ, mục, cảm, vị, khứu... Khi người ta không nhận ra bản chất của những dữ kiện đó, còn trợ lực cho chúng bằng cách tổ hợp chúng thành hệ thống nọ kia, thì chúng trở thành ảo ảnh, biến ra giá mắt (oeillère) để dẫn người đó chạy vòng ngoài, mà

Mạnh Tử kêu là " **vật giao vật nhi dẫn chi nhi dĩ hĩ** ".

Vật trong là ý niệm hay đối tượng (objet) giao kết với vật ngoài là hình, danh sắc, tướng, nghĩa là cũng trống rỗng như đối tượng bên trong. Hai đàng có họ hàng "rỗng" như thế vào hòa với nhau để dẫn nạn nhân chạy theo vòng ngoài với những danh từ, biểu tượng trống rỗng, nghĩa là không liên hệ với nguyên lý sống động căn bản. Vòng ngoài như vậy là trở vào những "chân lý hiển nhiên của tai mắt trăm họ". Những sự kiện, biến cố đã xảy ra ở một thời điểm và một không điểm nhất định hoặc những tổ hợp các ý kiến của triết học gia này nọ kia khác mà người ta quen gọi là triết học, tất cả đều ở vòng ngoài nên khi triết học đóc ra khoa dạy các tổ hợp ý kiến đó thì có học hết các triết gia đông tây kim cổ cũng chỉ là nhọc trí óc gân mạch cân não mà không mấy may sinh động hứng khởi, không thể gây nên một nếp sống, gọi ra một hướng đi. Đó gọi là "vật giao vật nhi dẫn chi nhi dĩ hĩ". Con người bị dẫn đi vòng ngoài như thế quên mất đường trở lại "nhà" tức là Nhân tính, nên quen dùng tiếng "vong thân" mà chỉ thị.

Để tránh vong thân phải "phân thân nhi thành". Để tránh "vật giao vật" phải đạt "**Thiên Địa Nhân giao hổ kỳ căn**". Tam tài giao nhau ở căn để chứ không ở vòng ngoài. Vòng ngoài là vật giao vật. Vòng trong mới là giao hổ kỳ căn. Căn là Tâm con người. Vì thế mới nói "**tâm chi quan tắc tư**". Và chỉ có cái Tư trên căn để đó mới đắc đạo, đắc lý, đắc nguồn suối tuôn trào sáng láng và mạnh mẽ. Tâm như vậy là cái gì vượt nhĩ mục, vượt giác quan, nhưng thực sự là cái chi thì chúng ta không thể nói được, nhưng chỉ nói về lối suy tư, cảm nghĩ và sống sao đặng cho có thể cảm nghiệm để rồi thể nghiệm. Thế nào là suy tư theo tâm, theo Đại thể? Thưa, đó là lối của Hoa Đường Lê.

3.- Đường Lê chi hoa

Đường lệ là một thứ hoa triết lý hơn hết vì nó "**nở trước búp sau**" nghĩa là đi theo "tiết điệu căn cơ" **nhất Hạp nhất Tịch**, một mở một đóng như lối nói của nhà hiền triết Hy Lạp cổ sơ với danh từ Physis cũng là mở nhưng lại yêu thích khép lại (**Physis Krustesthei Philei**). Nếu không khép lại thì sao có thể mở ra. Cũng như trong triết lý Ngũ hành “ Gieo ra Gặt vào “ phải đi đôi (Giá Sắc). Hai danh từ gieo gặt mang

tính chất nông nghiệp. Ba danh từ Physis Krustesthei Philei có tính chất trừu tượng giống với “ nhất Hạp nhất Tịch “.

Còn **Đường lệ chi hoa có tính cách nghệ thuật thiên nhiên** nói lên một cái nhìn thấu thị, một kinh nghiệm trung thực trước cái tiết diệu uyên nguyên đóng mở, mở rồi đóng để có thể mở nữa cho sự vật luôn luôn đổi mới, cho cái Đức, cái Huyền lực con người luôn luôn được tăng trưởng. Đó là **lối Tâm tư nối kết Tâm tình nghệ thuật với Suy tư luận lý**, một lối suy tư mà Heidegger kêu là "dichtend- denkende, denkend-dichtende": **nghệ sĩ suy tư hay suy tư nghệ sĩ**, tức không phải lối lý luận thuần trí thẳng thừng làm tác nghẽn nhạy cảm tính của tình tự, nhưng là lối suy tư đầy cảm ứng như nghệ thuật với những biên giới nhập nhằng vi tế mà câu Đường lệ chi hoa là một ví dụ. Câu nói như ẩn như hiện đã phát xuất trên 30, 40 thế kỷ mà nay vẫn mang tính chất thời sự nóng bỏng, vì nó phản chiếu cái luật căn cơ mà Kinh Dịch đã đúc vào câu sau:

"Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo.

Kế chi giả Thiện dã

Thành chi giả Tính dã...

Bách tính nhật dụng nhi bất tri

Có quân tử chi Đạo tiền hĩ

Hiển chư Nhân, tàng chư Dụng" H.T.V

— 陰 — 陽 — 之 — 謂 — 道

繼 — 之 — 者 — 善 — 也

成 — 之 — 者 — 性 — 也 ...

百 姓 日 用 而 不 知

故 君 子 之 道 鮮 矣

顯 諸 仁 . 藏 諸 用

Đạo là một Âm một Dương, một Đóng một Mở. Bước theo cái Tiết nhịp uyên nguyên Đóng Mở đó là Thiện. Mỗi khi thiên lệch khỏi cái Tiết diệu Đóng Mở, Giá Sắc đó, thì cần phải phản hồi. Khi nào thành đạt tức không còn thiên lệch đi nữa nghĩa là đã nối vòng ngoài Ý thức với vòng nội Tiềm thức, nói vắn tắt là nói Mở với Đóng, thì là đạt Nhân tính, đạt cái Đức, cái Huyền lực của Tính là hợp Ngoại với Nội:

"Tính chi Đức dã, hợp Ngoại Nội chi Đạo dã, 性 — 之 — 德 — 也 , 合 — 外 — 內 — 之 — 道 — 也 , " T.D.

Đạo chỉ đơn sơ có thể thôi, một Mở một Đóng và trong đời sống thường nhật ai cũng phải theo: một Hồ một Hấp, một Thức một Ngủ, một Ăn một Tiêu, một Nam một Nữ...

Tuy nhiên thường dân không ý thức được đó là Đạo, nên bỏ đi tìm Đạo ở mãi đâu xa: xa mình, xa nhà, xa nước, cho nên Đạo quân tử trở thành hiếm hoi.

Phusis là Đạo lý đúc ra vật lý (physique). **Logos** là lời tự sự có Mở có Đóng đúc ra lý luận ròng (logique) nghĩa là chỉ còn có Mở. Chỉ có Mở mà không biết Đóng như lọ nước hoa bay hết hương vị. Triết lý đúc ra triết học giống với hoa nylon màu sắc có mà hương vị không. **Làm thế nào để khỏi sa đọa như thế? Thưa, phải "thiên kỹ phản nhi" thiên là chỉ có đóng hay chỉ có mở, phải biết trở lại với tiết nhịp căn để là Mở Đóng giao liên mới đạt Nhân tính.**

Khi có Nhân thì thấy đóng mở hiện hiện nghĩa là ý thức được thâm sâu rằng Đạo là thể và chỉ có thể. Chính vì chỗ đơn sơ đó nên Đạo ấy trở nên ẩn tàng đối với những ai chỉ chạy vòng Dung (mở) mà không móc nối vào được vòng Thể (đóng). Kinh Dịch viết ra là giúp người đọc móc nối đời sống vào tiết nhịp uyên nguyên nọ. Trung Dung là sách tóm lược Đạo lý Kinh Dịch. Vì thế chúng ta hãy bàn về hai chữ Trung Dung.

4.- Trung Dung

Trung Dung tuy là then chốt của Nho triết, nhưng bị hiểu lầm hơn hết. Một trong những lý do đó có lẽ là không biết đặt nó vào tinh thần Kinh Dịch, mà tinh thần Kinh Dịch là chữ Tùy thời. Vì thế chúng ta thử nhìn hai chữ Trung Dung dưới khía cạnh chữ Thời để tìm hiểu ý nghĩa. Chúng ta hãy chú trọng vào chữ Dung vì chữ này gây nên hiểu lầm nhiều nhất. Chữ Dung có ba nghĩa đáng chú ý:

Một là dùng như Dụng,

Hai là tầm thường như chữ Phàm,

Ba là thường thường như chữ Hằng.

Trước hết Dụng là gì?

Thưa, Dụng là dùng, là tạm dùng mà không coi là vật thể. Đó gọi là "chấp kỳ lưỡng đoan". T.D.6.

Chấp kỳ lưỡng đoan khác với "chấp nhất". Chấp nhất thì xả bách nghĩa là bỏ mất đoan kia và tất cả những gì tế vi làm nên mối liên hệ với nó. Thí dụ trong Âm giai có 7 cung mà chấp có một cung đầu hay cung cuối cùng thì tức là bỏ mất 6 cung kia với vô vàn tiêu độ (coma) ở giữa 7 cung của toàn âm giai. Khi áp dụng **Nhị nguyên vào thời gian thì một là chấp Dĩ vãng hay là Tương lai.** Ngược lại với "chấp kỳ lưỡng đoan" là kể đến (tenir compte) cả Dĩ vãng lẫn Tương lai nhưng không đặt quan trọng vào đó như đối tượng, mà chỉ coi như hai đoan, hai tận cùng (terminaisons) của Dịch trường (champ), của một liên hệ. Liên hệ đó gọi là Trung nằm trong hiện tại, "dụng kỳ trung ư dân" T.D.6

Nghĩa thứ hai của **Dụng là tầm thường** (phàm). Chính vì tầm thường nên không ai để ý đến. Nhưng đây là điểm khôn đốn, đây là điểm then chốt để sa đọa hay để đạt đạo.

Tầm thường là gì? Thưa là ở mức độ thường nhật ai cũng với tới. Thường nhật là gì?

Thưa là “ ở Đây và Bây giờ “. Chúng ta đã học ở chữ Thời để biết Dĩ vãng thuộc Địa, Tương lai thuộc Thiên, còn hiện tại ở Đây và Bây giờ là của Người (Nhân) .

Đạo bất viễn nhơn, nghĩa là Đạo không có ở Dĩ vãng hay trong Tương lai nhưng ở ngay tại Nơi đây và Bây giờ, ở trong lúc mọi người đang sống, đang dùng.

Nhưng người thường không thấy " bách tính nhật dụng nhi bất tri" là vì có hai thứ Bây giờ. Một Bây giờ Vòng ngoài, phân cách khỏi Dĩ vãng và Tương lai, nên không thỏa mãn con Người vốn cầu mong cái gì bao la to lớn hơn, do đó nó chạy lui chạy tới như đưa thoi giữa Dĩ vãng và Tương lai: nó lưu lại Dĩ vãng một mớ tâm trạng bằng thương, nhớ, phiền, tủi, tiếc, xót, đắng cay... lại chi cho Tương lai một mớ âu, lo, trù tính, sợ hãi, ưu tư... thành thử còn giữ lại cho hiện tại có chút xíu Tâm hồn để sống, nên nó sống vọng ngoại, nghĩa là vọng Tương lai, mà tương lai chỉ là Dĩ vãng phóng tới và như thế là vong Thân khi hiểu Thân là Đại Thể Tâm linh mà chỉ còn thu hẹp vào cá thể có giới hạn vì chỉ dựa vào có Dĩ vãng và Tương lai là những vụn mảnh của Không gian, Thời gian có giới mốc.

Bởi vậy tuy ở trong Hiện tại mà vẫn thiếu Hiện diện như Heidegger nói "présent sans présence" hay như Đại học nói rõ hơn là "Tâm bất tại". Mà Tâm đã bất tại thì có xem cũng chẳng thấy, có lắng cũng không nghe, có ăn cũng không biết mùi vị. Không thấy, không lắng, không nghe, thì dầu có mặt cũng không gọi là hiện diện, vì Tâm trí còn để vào Dĩ vãng và Tương lai. Tương lai và Dĩ vãng phóng bất cứ một ra, mà dĩ vãng gắn liền với không gian, vì biến cố nào đã xảy ra là xảy ra trong một Không điểm và một Thời điểm, nên Dĩ vãng không lìa khỏi được Không gian. Không gian có phân trương đo đếm, cắt xẻ ra được. Vì thế người lưu trí vào Dĩ vãng có Tâm trạng bị xé lẻ, ly tán y như Không gian, nên mắt khả năng nhìn ra Hiện tại vĩnh cửu vô biên. Bởi Hiện tại là điểm phi Không gian, vì thế nên nó tế vi. Nhưng chính vì chỗ tế vi, nhờ chỗ phi không gian đó mà nó có thể thoát khỏi không gian, mà thoát khỏi Không gian cũng là thoát khỏi Thời gian gắn liền với Không gian, nghĩa là thoát khỏi những hạn cục bé nhỏ, chật hẹp. Và như vậy là vượt lên nghĩa thứ ba của Dung là Thường Hằng: Eternity.

Nói cũng là cường dùng như bất cứ danh từ nào vậy. Vì Thường hằng không có nghĩa là kéo dài mãi mãi qua thế hệ này đến thế hệ kia vô cùng. Thường Hằng không có kéo dài kéo ngắn chi hết, nên gọi là "vô bản phiêu giả" hoặc "vô thủy vô chung". Như vậy có nói Hiện tại nối liền với dĩ vãng tương lai thì cũng chỉ là một cách nói tạm dùng, vì cái Bây giờ mãi mãi không còn trôi chảy, vì hễ có trôi chảy, có kéo dài tức là có Đầu có Đuôi, mà Thường hằng lại vô thủy vô chung, nên cũng "vô hồ xứ giả". Do đó rất tế vi khuất mắt của bá tánh, nhưng người học triết nếu đạt Đạo thì hơn thường nhân ở chỗ xem thấy điều mọi người không xem thấy. Người thường không bị kẹp Quân tử ở chỗ đó chứ không ở những cái phoi trải ra trước tai mắt trăm họ.

"Quân tử chi sở bất khả cập giả, kỳ duy nhân chi sở bất kiến hồ:

君子之所不可及者，其唯人之所不見乎。" T.D. 33.

Chính vì thế nên tiên hiền không đặt quan trọng trên những dữ kiện do tai mắt thân thập. Vì những cái đó thường nhân ai cũng chú ý, và điều đáng ngại là người ta chú ý quá đáng đến nỗi giốc toàn tâm trí vào những "sự thực hiện nhiên hằng ngày". Vì thế sách Trung Dung nhấn mạnh rằng: người học Minh triết cần phải cần trọng cái điều mà mắt không thấy, tai không nghe, vì chính bởi nó không hiện hình ra nơi nào cả: "vô hồ xứ giả" nên nó ở khắp nơi, ở trong vạn vật, nói đúng hơn là nó làm nên vạn vật. Chính vì

chỗ tế vi hơn người thường đó nên triết gia cần tập luyện cẩn trọng về những cái mắt không thấy, tai không nghe, vì những cái tế vi đó mới là cái Thường Hằng bao trùm vạn vật và bởi đây sách nói: không gì hiện rõ bằng cái ẩn tàng, không gì hiển lộ bằng cái tế vi.

"Thị cố quân tử giới thận kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi: 是故君子戒慎乎其所不睹，恐懼乎其所不聞。莫見乎隱，莫顯乎微" T.D.I

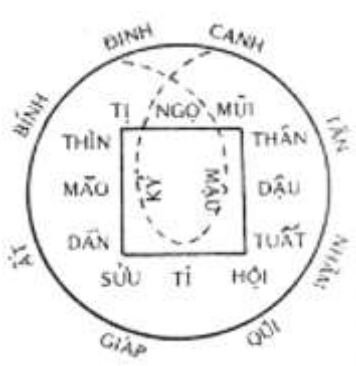
Có biết tinh luyện và chuyên nhất như thế mới hiểu được nội dung của hiện tại theo nghĩa hình nhi thượng của Trạ là **"vô bản phiêu giả"**, cũng chính chữ "vô bản phiêu giả" bao hàm câu trả lời cho thắc mắc rằng nếu **"sống trọn vẹn hiện tại thì có khỏi xóa bỏ Dĩ vãng và không dự trừ Tương lai chăng?** Thưa, nếu ta sống Hiện tại bì phu phân biệt với Dĩ vãng và Tương lai thì có thể như thế. Còn Hiện tại nói ở đây vì **"vô bản phiêu giả"** nên gồm cả Dĩ vãng và Tương lai, **ên sống trọn vẹn được nó thì cũng bao trùm cả Dĩ vãng Tương lai** mà lại không bị Dĩ vãng Tương lai trắng trối, vì xem tự trong ra chứ không từ bên ngoài như trước.

Đại để đó là **nền tảng triết lý của Hiện tại hay là Minh triết của cái bây giờ mãi mãi**, nó căn cứ trên câu **"vô bản phiêu giả Trạ dã"**. Bây giờ chúng ta khai thác phần **"vô hồ xứ giả Vũ dã"** chúng ta sẽ gọi nó là cái:

5.- Triết lý của "TRỌN VẸN Ở ĐÂY"

Triết lý ở Đây là triết lý không ở đâu cả **"vô hồ xứ giả"** nên phải đặt nền tảng nơi Tâm thức con người. Vì tâm thức con người cũng giống vũ trụ không ở đâu nhưng không đâu không ở. Ta có thể dùng đồ thị đơn của chu kỳ Thiên can Địa chi để diễn tả.

Vòng tròn chỉ những hiện tượng, những biến cố ghi bằng (Tí, Sửu . .).



Xét về mặt hiện tượng thì Tí, Sửu, Dần có trước có sau và ở đây hay ở kia: Tí có trước Sửu và Dần có sau Sửu nhưng so với trung điểm Mậu Kỷ (K) thì Tí, Sửu, Dần cùng cách trung điểm Kỷ bằng nhau không trước không sau, không đông tây nam bắc. Và hiện diện trọn vẹn nơi Tí hay Sửu, Dần và cách trực tiếp và đồng thời cùng một lúc (unointuitu) không cần xê dịch vì không có quãng cách nào hết, và như vậy không vật nào hay biến cố nào không ăn rẽ vào trung điểm Kỷ. Kỷ là Đại thể bất dịch, còn vạn vật, với các biến cố như dòng sông ngày đêm trôi chảy không ngừng (**bất xả trú đạ**) dưới "con mắt" của Kỷ là Minh Đức, là Tính mệnh. Bởi thế khi đã làm sáng được cái Minh Đức thì không có gì không ở đây đủ nơi mình nên mình cũng không thể lìa khỏi:

"Kỳ thực thể bị ư kỳ. Nhi bất khả li:

其實體備於己而不可離". T.D I.

Do đó không được xa lìa mình để tìm Đạo, vì "Đạo không xa người". Đạo không ở xa mình, Đạo không vật này hay vật kia mà gốc ở ngay nội Tâm mình (kỳ) như trọng tâm bất kiến.

Hệ luận của nguyên lý đó là thế này: các sự vật, các biến cố luôn luôn biến dịch không quan trọng, nên sự cao cả hay thấp hèn không nên tìm ở sự vật ngoại tại, nhưng phải tìm ngay trong chính mình, trong chính động tác của mình. Nếu động tác hoàn hảo thì được hoàn hảo bất chấp việc sang hay hèn, chức năng trọng hay khinh. Y như khi đóng kịch quan trọng không ở vai trò cho bằng cách sắm vai trò: dầu vai trò chỉ là người lính thú mà sắm cho tuyệt hay thì vẫn cao cả hơn vai ông vua mà đóng dở. Cho nên đã làm cha thì làm cho hết mình là cha, làm con thì cũng tận tình làm con: **quân quân, thần thần, phu phu, tử tử...** Chính vì thế người thấu hiểu triết lý có phong thái nhân loại bình hành, không kiêu cách, không điệu bộ, không luôn miệng nói đến siêu hình, bàn về đức lý, vì đối với họ không có gì cách biệt giữa linh thiêng với đời sống thường nhật, và một cuộc sống bé nhỏ đến đâu, người đời cho là hèn mọn đến mấy cũng vẫn có đủ khả năng sống thuận theo thiên lý, sống âm áp đầy đạo, khỏi cần tìm đạo đâu khác xa hơn.

Ngược lại bao lâu nghĩ rằng Đạo phải tìm ngoài vận mạng của mình, thì đấy là tả đạo, vì hễ đạo mà còn có thể ở kia mà không ở đây thì là đạo hẹp hòi không phải chính đạo.

Chân Đạo vô biên: không đâu không ở, nên không gì không có Đạo: "các hữu Thái cực".

Hệ luận thứ hai là chấp nhận ngay những hoàn cảnh đang có là thế với những lân nhân như họ đang có đấy, với tất cả những khiếm khuyết của mỗi người. Không phải chấp nhận để ngồi lì đó, nhưng có chấp nhận mới dùng nó như bước đầu tiến lên cao hơn, mau hơn. Vì sự chấp nhận lân nhân như họ đang có, chấp nhận bất cứ chức năng nào mà không nề hà cao thấp như Nguyễn Công Trứ làm lính thú cũng có thể thi hành Đạo.

Đây là lối hành xử theo triết lý "Ở Đây" mà sách Trung Dung bàn như sau:

"Quân tử tố kỳ vị nhi hành hồ, bất nguyện hồ kỳ ngoại.

君子素其位而行，不願乎其外

Chính kỹ nhi bất cầu ư nhân, tặc vô oán

Thượng bất oán thiên, hạ bất vu nhân

正己而不求於人則無怨。

上不怨天，下不尤人。(T.D 14)

Người quân tử tùy theo cái chỗ đứng Hiện tại của mình để hành xử mà không mong chờ cậy dựa gì bên ngoài dầu dưới hay trên. Đặt trọn vẹn trọng tâm vào mình mà không cầu ở người thì khỏi oán

trách. Trên không oán trời, dưới không trách người. Nhờ đó ở vào cảnh hưởng nào người quân tử cũng an nhiên thư thái:

"Quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên:

君子無入而不自得焉" T.D 14.

Vì lý do trên Triết Nho nhấn mạnh đến chữ tự cường, tự ý, tự nội.

"Thành giả, tự thành dã, nhi Đạo tự đạo dã:

誠者自成也，而道自道也" T.D 25.

Tự là tự nội, tự kỷ, vì là trung tâm, là nguồn suối thiêng, là Toàn Thể Viên Dung. Còn khi cậy dựa vào một điểm nào bên ngoài dù là Tí hay Sửu thì cũng là những điểm hữu hạn, bé nhỏ và nếu có ý nghĩa nào thì cũng không ngoài mối liên hệ với điểm Kỷ mà ta chỉ biết cách trực tiếp nhờ tâm ta, còn qua vạn vật chỉ biết cách gián tiếp bên ngoài. Nhân đó dẫn sang một điểm quan trọng tối hậu là hiện thực là thành, là chí thành.

6.- Chí Thành như Thần

Xem như trên ta thấy không nên lưu trí vào Dĩ vãng (Tí) hoặc phóng trí về Tương lai (Dần) vì cả hai nằm ngoài chu vi nên có trước có sau, có đó có đây, đo đếm được, nên chỉ là Tiểu thể cá biệt đã ở đây thì thôi ở đó, xảy ra lúc trước thì thôi lúc sau. Nếu bám lấy những dữ kiện thuộc Trước Sau hay Đây Đó để phân tích và kiến tạo thì tức là bàn đến Rùa và quãng cách giữa Rùa với Minh mà không đi vào tận nguồn là Chính mình.

Nếu trở về với Minh Kỷ thì sẽ giống như triết gia nào đó đã chứng minh **sự biến động không bằng lý lẽ nhưng bằng cát bước chạy một vòng**. Ta cần bắt chước triết gia đó không những Nói nhưng còn Hiện thực: hãy trở lại với thâm Tâm để Thành, nghĩa là để lần lần nhận thức ra mối liên hệ căn để giữa cái Tôi cá thể hạn cục với cái Đại Thể u linh mà Nho triết kêu là cái **điểm Kỷ trung tâm**. **Chính nó mới ăn liền với Toàn thể sung mãn**.

Chính nó mới hiện diện cùng một trật ở khắp nơi nơi vật vật. Đó là ý câu của Nho triết "**phản thân nhi thành**" cũng là "**thành Kỷ**" hay là "**Mậu Kỷ**" tức làm tốt tươi sung mãn cái Kỷ. Vì cái Kỷ đó là nơi hội thông của Thiên Địa vạn vật, hay nói gần vào người hơn là nơi giao hội của Sinh tượng và Linh tượng, tức là hết mọi nhu yếu của con người được giao hội, được ứng đáp thì còn gì vui thú bằng: "**Lạc mạc đại yên**". Không gì vui hơn vì là cái vui siêu tuyệt, khác với cái vui ở chu vi bao giờ cũng bị giới hạn bởi trước sau. Cái trước có khi là sau, cái sau có khi là tui, không phải cái vui siêu tuyệt của Kỷ Trung Dung Thường Hằng viên mãn không bị giới hạn nào. Cái vui trung thực này chỉ xuất hiện khi đạt được đọt "**Thành tính tồn tồn**". Tồn tồn là kiểu nói bóng chỉ cái Bây giờ mãi mãi. Nhưng đây là bước đạt Đạo, hay nói theo Trung Dung là "**Thành giả**" cũng gọi là "**Thiên chi đạo dã**". Thành giả không cần cố gắng mà được, không suy tư mà đắc, ung dung mà trúng Đạo. Đó là Thánh nhân, là bậc đi từ Thành đến Minh gọi là Tính.

"Tự thành minh, vị chi Tính: 自誠明，謂之性" T.D 21.

Còn thường nhân, những người học triết thì phải đi theo lối giáo hóa tức là tự "Minh thành chi vị giáo". Cho nên trước hết phải học để hiểu không phải học để học, nhưng từ học giả bước sang hành giả "minh tắc thành bĩ". Nhưng thành ở đây phải đầy hăng say thành khẩn (enthousiasme).

"Nhân nhất năng chi kỹ bá chi, nhân thập năng chi kỹ thiên chi,

人一能之己百之，人十能之己千之" T.D 22.

Không phải người làm một mình làm bằng trăm nhưng khi chuyên chú vào việc đang làm trọn vẹn thì kể như bằng trăm bằng ngàn, nghĩa là phải hiểu về phẩm, về ở Đây Bây giờ trọn hảo, cũng như đầy kiên tâm trí chí (tenacité).

Đó là chìa khóa mở vào cửa mọi cuộc sáng tạo chân thực là cái bao giờ cũng mang các yếu tố **trú, minh, biến, hóa**. Trung Dung tả hai đức tính trên bằng liên châu luận như sau:

"Thành tắc hình, hình tắc trú, trú tắc minh, minh tắc động, động tắc biến, biến tắc hóa,

誠則形，形則著，著則明，明則動，動則變，變則化" T.D 23.

Chữ Hình ở đây nghĩa là cái Đức tuy ẩn mà hiện vì đức là Tính, hay đúng hơn là sự biểu lộ cách vi tế của Tính vậy. Cho nên nói Thành thì phải hiểu là Thành Tính ở đợt sơ khởi "biểu lộ mập mờ" là Đức. Khi Thành đã đủ mức thì Hình (tính) sẽ Trú tức là Sáng thêm lên nữa (minh) sáng thêm nữa làm cho Linh động, linh động đưa đến Biến, và Biến để Hóa. Hóa ra cái chi? Thừa hóa ra Thần. Thần là chi? Thừa là Kỹ khi đã mậu sung, mà "sung thực nhi phát quang huy" nên chiếu tỏa ra cùng khắp mọi vật ở chu vi: do đấy có thể tác động cách diệu dụng vào khắp vật: đó gọi là "chí Thành như Thần".

Trung Dung tả rằng:

"Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính tác năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân tính, tác năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính tác khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, tác khả dĩ dữ Thiên Địa tham hĩ :

唯天下至誠，為能盡其性；能盡其性，則能盡人之性；能盡人之性，則能盡物之性；能盡物之性，則可以贊天地之化育；可以贊天地之化育，則可以與天地參矣。" T.D 22.

Nếu ta hiểu được cái vòng chu vi của Tí, Sửu, Dần... chạy quanh Mậu kỳ trên kia, thì câu trên trở nên một quang diễn dễ hiểu, tại sao chí thành lại được như Thần có khả năng tham tán với thiên địa vì tất cả đã hiện diện trực tiếp với Kỳ là đại Ngã Tâm linh đầy huyền lực, và chúng ta hiểu luôn câu sau:

" Thành giả phi tự thành kỹ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã, thành kỹ, nhân dã, thành vật, tri dã, tánh chi đức dã: hiệp ngoại nội chi đạo dã. Cố thời thổ chi nghi dã:

誠者非自成己而已也，所以成物也。成己，仁也；成物，知也。

性之德也，合外內之道也，故時措之宜也。 ". T.D 25

Thành giả không phải chỉ thành có mình mà đã xong, còn phải thành đạt cho người khác nữa. Thành kỹ tức là đức nhân, thành vật là trí tri. Cái huyền diệu của tính là hợp Ngoài vào Trong. Ngoài là ngoại vương phụng sự nhân loại. Trong là một thánh thành nhân. Tùy thời thế mà thi hành, mà nhấn mạnh điểm ngoại hay nội, sao cho giữ được thế bình quân động đích. (Bài này quá súc tích nên sẽ được minh họa bằng các bài sau).

IV. PHÂN TÍCH MỘT MẪU TRUYỆN PHẢN CHIẾU LỐI TÂM TƯ

1.- Suy tư chân thực là Quy tư

Một hôm Khổng Tử nói với mấy môn đệ rằng: "bây giờ nếu trao nước vào tay các anh thì các anh tính làm những chi, nói nghe thử?"

- Đứng bật lên như lò xo, Lộ đưa ra dự án quân sự rằng: "sau ba năm huấn luyện thì dân sẽ dũng mãnh" (**khả sử hữu dũng**).

Khổng Tử mỉm cười trông sang hỏi Nhiễm Hữu: "**Cầu, nhĩ hà tư ?**"

- Nhiễm Hữu chú ý vào kinh tế thưa rằng: "sau ba năm dân sẽ đủ ăn" (**khả sử túc dân**).

Khổng quay sang hỏi Công Tây Hoa: "**Xích, nhĩ hà tư ?**"

- Xích đặt chủ lực vào Ngoại giao, nghi lễ: áo quan, mũ, chương phù, nên xin làm Tể tướng.

Sau cùng Khổng hỏi Tăng Tịch: "Điêm, nhĩ hà tư?"

- Điêm liền ngưng tay gảy đàn, để tiếng ngân vang, đứng lên đáp: "chí tôi khác hẳn ba anh kia". Khổng Tử khuyến khích: "có hệ chi đâu, chẳng qua mỗi người nói lên cái chí của mình vậy thôi". Lúc đó ông Điêm mới thưa rằng:

"Mộ xuân giả, xuân phục ký thành

Quan giả ngũ lục nhơn,

Đồng tử lục thất nhơn.

Dục hồ nghi

Phong hồ Vũ Vu

Vịnh nhi quy".

Phu tử vị nhiên thán viết: "Ngô dữ Điêm dã."

'莫春者，

春服既成。

冠者五六人，

童子六七人，

浴乎沂，

風乎舞雩，

詠而歸！

夫子喟然嘆曰：‘吾與點也！’L.XI.25.

Thưa thầy dự án của con là: "Vào cuối mùa xuân khi áo xuân đã thành: rủ một ít bạn trạc mười sáu đôi mươi ra tắm sông Nghi, rồi lên núi Vũ Vũ hóng gió, đoạn ca hát mà về". Khổng Tử không dấu được lòng thán phục, liền hưởng ứng nói "Ngô dũ Điểm dã": Ta cùng một chí hướng với Điểm vậy.

Thoạt đọc chúng ta không khỏi ngạc nhiên hỏi tại sao Khổng Tử lại nhận dự án của Điểm: giữa lúc nước tan tành mà Điểm lại rủ bạn đi tắm mát lấy le! Bỏ mặc quốc sự dân sinh coi như không có chi quan thiết đến thân mình cả. Sao Khổng Tử không chấp nhận dự án của ba ông Lộ, Cầu, Xích có thực tế hơn, giàu chất ưu thời mẫn thế hơn? Tại sao lại đi ủng hộ Điểm?

Hay là tình thế quá thối nát nên tính đến chuyện giữ bụi đi tu để vui cùng non với nước, theo tiếng hát cung đàn?...

Đó là những thắc mắc xuất hiện nơi tâm trí ta khi mới đọc đoạn sách trên.

Nhưng khi nghĩ lại ta thấy Khổng bỏ thăm cho chương trình của Điểm là có lý do, vì dự án của Điểm đi ngược chiều theo lối không có đối tượng. Ba người kia có đối tượng rõ ràng thiết thực: họ có làm, riêng Điểm không làm, chỉ đi tắm sông, hóng gió, ca hát, có làm chi đâu? Toàn chơi cả!

Nhưng chính vì chỗ chơi đó, chính chỗ ngược đời đó khiến ta nhận ra Điểm là người dũng cảm, có gan lên đường thực sự, có mắt tinh đời biết coi nhẹ cái người đời coi trọng đặng coi trọng cái người đời coi khinh. Nhờ vậy mà Điểm đã thoát ra ngoài lưu tục là chỗ "bỏ gốc theo ngọn" (xả bỏn trục mạt). Thế mà bỏn là Đức, tài là Mạt "**Đức giả bỏn dã, Tài giả mạt dã**". Cho nên chương trình của Điểm lấy việc "**tu thân vi bỏn**" làm gốc.

Chương trình đó là:

Dục hồ Nghi

Phong hồ Vũ Vu

Vịnh nhi quy.

Chúng ta hãy xét đại cương các đề mục:

1. Trước hết là Dục hồ Nghi: tắm ở sông Nghi.

Ở đây nhất định phải gạt bỏ những ý nghĩa cụ thể, để hiểu theo sự thanh lọc tâm hồn:

"Nước trong rửa Ruột sạch trơn

Một câu Danh lợi không sờn Lòng ai" (Đồ Chiểu)

Nước là biểu tượng có tính cách phổ quát để chỉ sự thanh lọc nên hầu như tôn giáo nào cũng có dùng: tắm nước sông Hằng bên Ấn giáo, phép rửa bên các tôn giáo đều ám chỉ bước đầu tiên trên đường đạo là: thanh lọc (vie purgative).

Nho giáo tuy không là Tôn giáo nên không có phép tẩy rửa nhưng mỗi khi phải tiếp xúc với thần minh cũng có nghi tiết "**mộc dục**" nghĩa là tắm rửa để chỉ việc thanh lọc, do đó trong Nho giáo hay nói đến nước, coi như nơi phát xuất những tia sáng căn bản về Minh triết, chẳng hạn ý tưởng biến dịch nền móng cho triết lý nhân sinh được Khổng liêu ngộ trong khi ngắm dòng nước chảy:

"Tử tại xuyên thượng viết: thế giả như tư phù, bất xả trú dạ:

子在川上，曰：‘逝者如斯夫！不舍晝夜。’ L.IX 16

Khổng Tử đứng trên bờ sông nói rằng: cũng như nước này chảy đi thì Đạo thể cũng lưu linh như thế, ngày và đêm không có vật chi ngừng nghỉ...

Câu trên chỉ là một lối khai triển dòng Truyền Thống của Hà Đồ và Lạc Thư là hai đồ thị nền móng của Kinh Dịch và cả hai đều được khai xuất từ sông Lạc, sông Hà, nghĩa là tự Nước ban ra.

Nước biểu thị Trí

Núi biểu thị Nhơn

Nước đi với non như cặp uyên ương nên ta quen nói "Non nước". Vì thế sau khi tắm dưới Sông, thì trèo lên núi để hóng gió Trời. Cũng chính là chuyện thông thường: sau dục hồ nghi thì đến phong hồ vũ vu.

2.- Phong hồ Vũ Vu

Vũ Vu là một ngọn núi ở nước Lỗ trên đó có lập bàn thờ tế Trời dựng cầu mưa.

Sau khi Đấng Kitô chịu phép rửa dưới sông Jourdain, thì lên rừng tĩnh tâm rồi lên núi để các Thiên thần đưa lương trời đến bổ dưỡng.

Tẩy sạch bụi trần ở sông Nghi, rồi lên núi Vũ Vu hóng gió gọi nhuần ơn mưa móc tự Trời đổ xuống: "**Đạo chi bản nguyên xuất ư Thiên**" (T.D). Gốc của Đạo phát xuất tự trời.

Tiêu cực: tẩy sạch Trần cấu.

Tích cực: hứng gió mưa tự Trời.

Nói theo tôn giáo là tẩy sạch Tâm hồn để đón nhận ơn thiêng từ Trời. Nói theo triết là sau khi nhìn nhận ra được tính chất hạn cực, tương đối của các Định đề trong Luận lý cũng như các Công ước xã hội thì đón

nhận cái Nhìn bao quát toàn thể ví như nước, như gió, như mưa bao trùm vạn vật bằng một luồng sông linh động. Nho triết thường coi Non Nước như cặp Âm Dương. Tuy mâu thuẫn đối chọi nhưng thực ra là cặp Vợ Chồng lý tưởng được biểu thị trong câu "Non Nhân Nước Trí" chung tình.

Non biểu thị Tình yêu trinh bèn. Nước biểu thị cho Trí đi lại tìm ra các mối liên hệ quán thông sự vật len lỏi xuyên qua vạn hữu. Vì thế nhiều Nho gia lấy việc du ngoạn Sơn Thủy làm một nguồn Gợi hứng thiên nhiên linh diệu: có cảm thông với Sơn Thủy mới dễ liễu hội được cái lẽ Huyền vi của mối Tình mật thiết giữa Trời Đất Người. Người Thôn dã sống gần Thiên nhiên dễ cảm được thực tại hơn người Thị dân người Trí thức vì lẽ đó.

Lúc sinh khí đã thâm hóa đầy thâm Tâm, tất sẽ vui mừng, vui mừng ắt sẽ ngâm vịnh, ngâm vịnh ắt sẽ dao động. Dao động ắt sẽ nhún nhảy. "**Nhơn hỉ tắc tư đào. Đào tư vịnh, vịnh tư do, do tư vũ**". Đàn cung Kinh Lễ.

3.- Vịnh

Sau múa đến hát, Điềm tỏ ra một Nho gia chính thống, biết nhìn đời sống như một trò chơi. tùy theo hứng tự phát mà chơi bằng Thi, bằng Lễ, bằng Nhạc. . .

Vịnh là ca vịnh, không hẳn là ca ngâm (Fredonner) bao hàm ý tự do tự khởi phóng khoáng: có hứng thì ngâm, không ai bảo, không ai dành phần, chỉ hát theo nhịp Lòng, không cần thính giả, mình hát mình nghe, hay mình chẳng nghe cũng chẳng sao, vì là Sống :

" Tòng Tâm nhi động, tòng Tính nhi du " (Dương Chu)

Tùy Tâm mà Động, tùy Tính mà chơi, không cần theo đuổi mục đích tư riêng nào hết.

Nho giáo vẫn coi trọng Nhạc trong việc Giáo dục là vì lẽ đó. Trong mấy trò ngồi quanh, thấy có Điềm là yêu Nhạc nhất, cũng vì đây mà được Thầy truyền Đạo cho. Giữa lúc Thầy Trò đàm đạo, Điềm gảy nhẹ dây đàn để tiếng tơ ngân lên bao lấy câu chuyện như nhịp điệu bao trùm lấy các câu chuyện khác nhau. Nên không còn gì quan trọng trong chương trình tu Đạo bằng Ca bằng Vịnh. Vịnh chiếm một chỗ chính ở khởi điểm cũng như ở tận cùng.

4.- Nhi quy

Là điểm chốt sau vịnh. Quy ở đây có hai nghĩa.

Trước hết là **trở về nội Tâm**: Thiên kỳ phản nhi. Đây là điểm căn cơ hơn hết trên con đường ngược chiều: tự ngoài vào trong, nghĩa là từ những cái tư riêng được coi như mục đích, thì nay mục đích được hướng vào chỗ "Kỳ Trung" ở đợt sâu thẳm nhất, nên chỉ còn là tiết điệu uyên nguyên mà mỗi người học đạo phải cố đạt tới. Thành công nhiều ít là tùy độ nắm được Trung nông sâu hơn kém.

Nghĩa thứ hai là **trở lại với đời Sống thế tục để xử thế**, cho đời sống xã hội thấm nhuần đạo lý, cho cõi nhân sinh trở thành Nhân đạo. Đồng Trọng Thư nói :

"Tiên quy nhi hậu vi chi, 先歸而後為之" (ĐC 335) là theo lối đó.

Muốn cải tạo xã hội mà thiếu Quy, tức thiếu Minh triết để phân biệt được điều lợi hại thì đầu thiện chí là yêu thương người mà kết quả lại là làm hại người, bên ngoài ý muốn của mình.

V.-ĐIỂM LÀ MỘT VÒNG TRONG DÂY CHUYỀN CỦA TRUYỀN THÔNG

Đại để đó là ẩn ý của Điểm mà người cháu nội sau này là Tử Tư sẽ quảng diễn bằng câu:

"Vật hữu Bản Mạt, sự hữu Chung Thủy. Tri sở Tiên Hậu, tác cận Đạo hi:

物有本末，事有終始，知所先後，則近道矣。" (1),

nghĩa là vật có gốc có ngọn, Gốc Loạn mà Cành Trĩ chưa bao giờ xây đến được. Cái Gốc là chính con người, phải lấy thành Nhân làm nền móng trong việc an bang tế thế lâu dài.

Vì thế mà **"quân tử lập kỳ đại"**. Người quân tử trước hết đặt vững nền móng cho cái Đại cái Gốc.

Mà lập kỳ Đại chính là Tu thân. Tu thân mới là bản Gốc, ngoài ra Kinh tế, chính trị, Ngoại Giao... tuy không ai dám chối là cần, nhưng cần hơn cả là Gốc. Chính Gốc mới là phần "thành Nhân". Nếu chỉ luyện nên những thứ chuyên môn mà không có luyện cho thấy cái toàn thể nơi con Người, thì đừng nói thiếu Tâm hồn, mà thiếu ngay cả đến Lương tâm nghề nghiệp.

Jung có lần nào đó viết rằng chính những chương trình lớn lao về kinh tế, chính trị... đã làm các dân tộc sa lầy (Les grands programmes politiques, économiques... précisément ce qui a toujours enlisé les peuples), là vì những chương trình đó chỉ là những sự xếp đặt do đầu óc trục lợi tính toán, và chỉ biết tìm thế quân bình giữa các nhóm thế lực lấy ích lợi làm trọng tâm, mà không được đặt vào Tương quan với Toàn thể là Nhân tính con người.

Đành rằng phải có chuyên môn nhưng đồng thời phải dạy cho biết cái Toàn thể tức là Đạo làm người. Có thể mới là "tiên quy nhi hậu vi chi". Nếu không trước hết hồi hướng về thâm Tâm để mình tìm lại mình rồi mới thực hiện (vi chi) thì dầu chuyên môn có giỏi rồi cũng chỉ đến "vinh thân phì gia", chứ không mong gì giúp ích xã hội.

Điều nhận xét trên áp dụng cho toàn thế giới. Con người hiện nay đã "thành công" rất lớn, nhưng "thành nhân" rất nhỏ. Con người chưa được sửa soạn đủ để hưởng cái thành công của mình. Thay vì lấy thành công tô thắm cuộc đời thì lại dùng để tiêu diệt lẫn nhau. Vì chưa tìm ra cái Toàn thể làm Gốc để quy tụ các động tác tư riêng nên mọi chương trình trở thành vá vúi.

Vì lý do sâu xa đó, nên tuy Không theo dự án của Điểm thoát coi tưởng như một trò chơi mà thực ra lại là lo cho đời từ căn để vậy. Hơn nữa đó mới chính là Nho triết của truyền thống trong câu:

"Duy tinh duy nhất, đoãn chấp quyết trung: 唯精唯一 允执决中":

Có tinh luyện Tâm hồn mới đạt được sự thống nhất chân thực. Lúc đó mới thống nhất được mọi việc lẻ tẻ, những cái dị biệt.

Ở chương trình Điểm, hai chữ:

Duy tinh nằm trong Dục Hồ Nghi, dùng nước để tẩy lọc tinh luyện Tâm hồn.

Duy nhất là Phong Hồ Vũ Vu để nhận lấy nguồn sinh lực sinh động của Toàn thể.

Đoãn chấp là Vịnh: Vịnh là chúa các Nghệ thuật, cũng đồng nghĩa với hòa hợp điều lý.

Quyết trung là Nhi Quy: tức là tuy hướng hồi Tâm để tìm ra nguồn sống và cũng có nghĩa là trở lại tô thắm cho đời Sống xã hội.

Đúng là đường lối suy tư chân thực mà Heidegger gọi là Andenken: pensée mémoriale có thể dịch là Truy tư hay Quy tư, nghĩa là Suy tư tìm trở lại nguồn gốc căn cơ con Người, cũng chính là cái thực tại toàn triệt mà chúng ta khát mong tìm trở lại, gọi là cái khát vọng siêu hình, mà không có thành công nào bóp chết được. Nhưng dùng lý trí thì chỉ thấy từng khúc vụn vặt.

Do đó **Việt lý đi theo đường "Duy tinh duy nhất". Lối đó đòi một môi trường.**

1.- Môi trường

Vì Suy tư chân thực không là suy tư kiểu lý luận bằng ý niệm, nhưng là **Quy tư**, nghĩa là tìm trở lại **nền thống nhất căn cơ của Nhân tính để hòa mình vào nhịp sống của Nhân sinh, của Vũ trụ.**

Muốn được thể triết lý Nhân sinh khác hơn triết học Lý niệm ở chỗ nó cần một môi trường âm hợp cho Đạo thể nảy nở được.

Triết Duy niệm đi tìm Chân lý đối tượng (vérité-objet) là cái gì chết khô nên để cho lý trí một mình xoay sở suy tư, luận đoán đã đủ.

Việt lý ngược lại không chú trọng Ý niệm, nhưng Thể nghiệm, tức là toàn thân Tâm đều Cảm nghiệm. Muốn thế cần giải thoát mọi cơ năng khỏi chấp vào cái bé nhỏ để tất cả có thể cảm thông với toàn thể vũ trụ.

Toàn thân con Người chỉ có thể sống khi được hô hấp trong bầu không khí thuận lợi.

Nho triết đặc biệt chú trọng vào Chính trị, vì Chính trị nắm nhiều thế lực nhất trong việc gây bầu khí hướng dẫn đời sống của công thể, của xã hội để xã hội nhịp theo cái Toàn thể Vũ trụ, hay ít ra không để những quy ước lẫn át cái nhịp tự nhiên con Người.

Do đó trong chương trình Điểm không ghi giờ học Luận lý mà chỉ ghi việc đi Tắm sông, Hóng gió, Múa và Ca, là chú ý tới cái Bầu khí, tới cái Môi trường thuận lợi cho sự nảy nở Hồn nhiên và Toàn diện mọi khả năng.

Mỗi chân lý Nhân sinh đòi hỏi một Môi trường cho nó. Môi trường không là cái chứa đựng bên ngoài, nhưng là thành phần Cấu tạo ra nó trong Tâm trạng người học. Triết học lý niệm không nhằm điều đó nên không chú ý đến Môi trường. Triết Đông ngược lại tất cả đều chú ý đến sự Hiện thực nên Môi trường trở thành yếu tố quan trọng. Tìm hiểu môi trường của một nền Triết giúp ta hiểu thêm cái sắc thái đặc trưng của nó, và do đó tùy theo với thói thể mà sáng tạo những điều kiện mới thích hợp với những tiến triển khác nhau ở mỗi giai đoạn giúp cho sự nảy nở chân lý nền tảng đã nói trên kia.

Môi trường thường được biểu lộ qua ba yếu tố là Khung cảnh, Nhân vật và Hoạt trường mà chúng ta sẽ lần lượt bàn tới.

2.- Khung cảnh

Một hôm Khổng đi đường không biết bến đò nên sai Tử Lộ đến hỏi hai nhà ẩn sĩ là Tràng Thụ và Kiệt Nịch, nhưng cả hai từ chối. Tràng Thụ đáp: nếu người ngồi xe là Khổng Tử thì ông ta đã biết lối xuống đò rồi. Riêng Kiệt Nịch đã không chỉ lối lại còn gửi lời khuyên cáo Khổng Tử nên theo chân ẩn sĩ để lánh trần rằng "**thao thao giả thiên hạ giai thị dã nhi thù dĩ dịch chí**". Tất cả mọi nơi đều loạn lạc như thác như lũ thì mong tìm đâu ra đồng chí đặng cùng mình cải tổ xã hội chứ?

Tử Lộ đem lời trên thuật lại cho thầy. Nghe xong, Khổng ngâm ngùi nói :

"Điều thú bất khả dữ đồng quần, ngô phi tư nhân chi đồ dữ, nhi thù dĩ? Thiên hạ hữu đạo, Khâu bất dữ dịch dã:

鳥獸不可與同群，吾非斯人之徒與而誰與？天下有道，丘不與易也。 " L. XVIII 6:

Người ta không thể làm bạn với cầm thú. Nếu ta chẳng sống với người trong xã hội này thì sống với ai? Nếu thiên hạ có Đạo rồi thì cần chi phải sửa đổi cải tạo nữa.

Câu chuyên trên biểu lộ hai thái độ ở đời với hai khung cảnh. Tràng Thụ, Kiệt Nịch thiên về xuất thế, lấy Tiên (仙) làm mẫu người lý tưởng: chữ Tiên kép bởi chữ Nhon và sơn chỉ người ở núi. Không lấy xóm Nhân làm chỗ ở: chữ Nhân là "hai người" nói lên xã nhân tính thiết yếu của con người, chứ không thể đồng quần với điều thú sống lang bạt trên núi rừng được.

Do đó khung cảnh Nho giáo chính là các loại Xã hội nhỏ từ Gia đình Thôn ấp mở rộng qua lên Quốc gia nơi mình đang sinh sống đang hoạt động và cuối cùng là Quốc tế (tứ hải giai huynh đệ). Như thế Môi trường đó không thể tìm xa xôi trên núi rừng, những u tịch cách biệt xã hội loài người.

3.- Ý nghĩa tiếng gọi U linh

Yếu tố thứ hai của môi trường là Nhân vật:

Bạn, một yếu tố có tính chất xã hội được Diêm chú trọng, và đây là nét được tô đậm trong xã hội theo Việt Nho. Đó cũng là điều dĩ nhiên khi Việt Nho chú trọng đến **Nhân**. Chữ Nhân nói lên mối liên hệ mật thiết với lân nhân. Con Người sống trong Xã hội không thể không có Lân nhân. Ngược lại đó là những đợt thiết yếu trên đường Tâm tư. Con người cần phải vượt qua sự bám víu vào Mẹ Cha, vào Gia đình Thôn xóm để đi đến những Tổ hợp rộng lớn hơn cốt để đạt đến những Môi trường có nhiều khả năng mở rộng tầm Mắt giúp cho Tâm thức vượt những chân trời bé nhỏ để dễ nhìn ra Tòan thể. Tuy vậy, muốn cho những Tổ hợp đó giúp làm nảy nở Nhân chủ tính của mình thì cần chúng được thấm nhuần bản chất Hữu Tình. Bởi vì trong xã hội cũng như giữa các cá nhân, người ta có thể thiết lập nhiều loại Tổ hợp.

Nếu ta quan niệm Lân nhân như Cừ nhân "homo homini lupus" kiểu Hoobes hay như Tha nhân xa lạ chỉ liên hệ với mình như đối vật, như cái đó (cela) kiểu tính vật tính chất Người thì lúc đó Tổ hợp sẽ bóp nghẹt Nhân chủ tính của mình và biến Mình thành một cái Máy vô hồn để phụng sự cho Tổ hợp, cho đảng. Vậy muốn cho Tổ hợp có khả năng giúp mình nảy nở, xứng với mối giao thiệp giữa Người với Người thì chỉ có lối coi Người như Người, như Bạn, như Thân nhân.

Do đó trong câu mở đầu sách Luận ngữ nói: có bạn từ phương xa tới thì còn gì vui hơn !

"Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? 有朋自遠方來，不亦樂乎？":

Vui vì bạn đến không như sói dữ hay như tha nhân để chinh phục mình, bắt mình làm nô lệ, nhưng như Bạn thân để cùng mình trao đổi, để đối thoại, để đưa mình ra khỏi mọi nguy cơ của trạng huống cô đơn (vae soli), kéo mình ra khỏi cái tệ trầm không u tịch, là trạng thái không chỉ nên hiểu hạn cục vào cảnh cô đơn vật chất, nhưng còn một ý nghĩa sâu xa bí ẩn mà có thể hé thấy trong truyện Narcisse vì mãi nhìn bóng mình đến nỗi phải chết chìm dưới đáy giếng, nghĩa là bị tê liệt giữa những vọng kiến những ý niệm tư riêng biến mình thành ếch ngồi đáy giếng không thấy được bầu trời bao la là Toàn thể.

Do đó ta có thể hiểu tại sao trong lịch sử Huyền niệm thấy nhân mạnh đến yếu tố Bạn trên đường Đạo. Khi một người có Tâm hồn trống vắng sống bên cạnh người đã có đời sống Tâm linh mạnh mẽ, thì có rất nhiều may mắn được tiếp nhận những luồng thần khí trợ lực mạnh mẽ cho việc tiến bước nhất là ở đợt khởi thủy. Có lẽ lời Đấng Christ sau ám chỉ phần nào điều đó:

" Khi có hai người trong chúng con hội nhau cầu nguyện thì Thầy ngự giữa ".

Thầy đây nên hiểu là Đạo Thể bao la.

Vì những lý do trên nên Việt Nho chú trọng đến yếu tố Bạn. Điem không mời Thầy mà chỉ kéo Bạn là đặt nổi ý tưởng: tự Minh giác ngộ không cần Thầy (**vô sư độc ngộ**). Sau này con của Điem là Tăng tử có nói: "Người quân tử lấy văn để tụ tập bạn hữu, để bạn hữu giúp nhau tiến vào đạo Nhân"

Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân: 君子以文會友，以友輔仁, L.XII.23)

là nối tiếp con đường truyền thống vậy. Chính theo hướng đó, Điem đã nhấn mạnh đến Bạn, trong đó có hai hạng:

Trước hết là những **người đã đến tuổi "nhận mũ lên đường"** gọi là **Quan**.

Loại hai gọi là "**đồng tử**" liên sát cái tuổi "**xấp xỉ**" tới tuần cập kê. Đây là **tuổi nhị bát** (16 tuổi) là lúc những ý niệm, những định đề, cũng như những thói quen và tập tục xã hội sắp kết tinh thành những tảng cứng đóng thành những bức tường bao vây Tâm trí, nhất là lúc sắp sửa phải vào đời, phải tự gánh trách nhiệm mà sách nói bóng là áo xuân đã may xong "**xuân phục ký thành**" một khi đã dần thân vào đời thì nguy cơ để mình theo lưu tục, theo lối phán đoán thế gian sẽ rất lớn. Vì thế muốn giữa vững cuộc đời lưỡng thế thì cần phải khởi công một cuộc tự giáo dục lấy mình. Điem hiểu lẽ "**tự đạo**" đó nên không đưa thầy đi cùng, mà chỉ dắt Bạn hữu vào lứa tuổi đang sửa soạn bước lên "**đợt sống mới**", quen gọi là **tuổi dậy thì**, nghĩa là tự thâm Tâm bắt đầu đẩy lên những tiếng gọi xa xăm. Đây là tuổi khám phá ra tha giống, tức là con trai khởi đầu nhận ra con gái không phải là con trai và ngược lại. Nghĩa là nhận ra sự khác biệt không chỉ hạn cục vào những đường cong dị biệt thuộc xác thân, nhưng còn có một cái chi sâu xa hơn, tế vi hơn, cái gì chèo kéo lạ lùng như hai sợi dây điện chỉ chực chập thành một, nên luôn luôn có chuyện "**tình trong như đã, mặt ngoài còn e**". Nhưng tại sao e!

Thưa e không những vì miệng tiếng thế gian, vì những hứ ký do xã hội bịa đặt, nhiều khi tới độ gây thành mặc cảm tội lỗi gắn liền với những việc lứa đôi đã bị buộc vào những ý nghĩ rất phức tạp. Nhưng còn e vì những Tình tứ tràn ngập nhưng mông lung chưa kịp **tìm lời để lên khuôn dạng nói ra**. Đó là chuyện khó, khó không hẳn vì không nói được, **nhưng khó vì muốn nói mà lại như không nói**, không

nói mà là nói: "**muốn có lại bảo rằng không, rõ muốn lấy chồng lại nói đi tu**". Chính vì bởi Tình tứ nó tế vi hơn từ ngữ rất nhiều, nên cảm thương tuy đã đầy hông, mà lựa lời gạ hỏi thì hông có ra. Đó là lý do tại sao e, ấy là chưa kể việc phải thử lòng thử sức của cu cậu. Tuy nhiên đó mới là lý do phiến diện dễ nhìn nhận. Nhưng còn một lý do bí ẩn hơn rất nhiều nên không mấy khi được nhìn thấy: đó là **tiếng gọi u linh phát xuất từ cõi "vô thức", từ cõi của Nguyên ngôn**, như một mệnh lệnh có tính cách nội khởi gây thao thức, gây khát vọng những gì cao xa lý tưởng.

Phải, chính chung quanh tuổi "**nhị bát**" là mùa của muôn lý tưởng đâm bông, mà trỗi vượt hơn hết, thúc bách hơn hết là tìm lại Nhà, và do đó có những tiếng kêu "**Thất thị viễn nhi**".

Chữ Thất đây phải hiểu là Nhân tính, tức là con người Viên Dung Toàn Thể.

Do đó chung quanh tuổi 16, cũng là mùa cất bước lên đường đi tìm "ý trung nhân". Chữ "ý trung nhân" theo hai nghĩa vừa là "nhân chi sơ" khi Tính hầy còn bản thiện (linh tượng), vừa theo nghĩa "anima" của Jung, tức là "**Nàng lý tưởng**" mà chàng trai mang trong thâm cung lòng mình, hoặc "animus" là "Chàng lý tưởng" mà nàng mong đợi (sinh tượng). Sự khám phá của Jung có được cái công minh nhiên hóa cái ý niệm đã được Việt lý trực thị và đã gọi tên một cách kỳ tuyệt là "**ý trung nhân**" kiểu "**xuân như ý**". Đó là người chồng hay vợ được lý tưởng hóa sẵn trong lòng cách tiên thiên và sau này chụp lên cô hay cậu nào thì xấu cũng thấy đẹp, cũng đầy duyên dáng dưới mắt cô hay cậu đó đến độ si mê điên dại, coi như cái "Nhà", nghĩa là cái gì đem lại cho sự ấm cúng, thân mật, an vui... mà Nho giáo hay gọi là "**nhập u Thất**", thì chính nghĩa là nhập Nhân tính trở thành chủ nhân để nhịp cùng một nhịp với Vũ trụ. Nhưng vì "ý trung nhân" có hai nghĩa nên chữ "**thất**" cũng có nghĩa thứ hai thấp hơn đó là "**nhà tôi**". Và do tiếng gọi ở tuổi nhị bát, chữ "nhà tôi" theo nghĩa bằng xương bằng thịt thường hằng nghĩa thứ nhất là nhân tính. Sự thắng thế này cũng là đúng luật trên đường trở lại Thái Thất theo câu "đạo quân tử khởi tự lưá đôi để rồi đạt tới Thiên Địa". Do lẽ đó, tiếng "nhà tôi" với ý nghĩa là bạn chung trình lẩn át tiếng gọi của "nhân chi sơ nguyên thủy". Nhưng trong lúc hai người mới giao tiếp với nhau thì hai tiếng gọi có thể mạnh ngang nhau, và mỗi tình trai gái ở tuổi đầu thường vẫn mang đầy tính chất cao thượng lý tưởng, thuần nhiên, và những câu thề thốt "**trăm năm kết chặt chữ đồng**" chứa đầy sự thành thật trung trinh (ít ra thời trước). Nhưng càng ngày tiếng gọi tâm tình cụ thể càng lẩn át tiếng gọi u linh kia, cho tới lúc hầu át hẳn. Nhất là vì những tục lệ, công ước, thành kiến xã hội đã được coi như thiêng liêng bóp chết sự thuần nhiên nội khởi của việc giao hợp giữa nam nữ, thì việc này không còn là một khởi đọan để đưa đôi lưá đến việc nghe tiếng gọi của Nguyên ngôn, đặng nhận thức ra mối tương quan với Thực tại Viên Dung là tính bản nhiên con người nữa. Đó cũng là do sự thất bại của nền luân lý hình thức mà ra. Tuy nhiên tiếng gọi đó sẽ còn nhiều lần vang lên ở vào quãng chung quanh bốn mươi gọi là tuổi triết lý, và ở một số người họa hiêm, tiếng đó đã nghe ra trong bình minh triệt như trường hợp "Triệu Văn Đạo" sẽ nói đến sau này.

Đạo được nghe đó là tiếng Vô ngôn gọi con người đã bị chia cắt xé nhỏ ra là chúng ta với lý trí chỉ thấy phần mở nên rất khác với trạng thái của Nhân chi sơ khi tính hầy còn tròn đầy viên mãn.

Đó là ý nghĩa của những câu truyện ẩn dụ như trong quyển Prédon của Platon chẳng hạn vì con người hiện nay với những con người nửa tròn nửa phẳng như quả dưa hấu đã bị bỏ dọc làm đôi chỉ còn giữ được cái lưng tròn, nhưng nửa trước phẳng với một đôi chỗ gò gề khác nhau như chống đối với nhau, nhưng thực ra là hai mảnh của một Toàn thể ban sơ nên luôn luôn thêm muốn ráp vào đặng lập lại trạng thái tròn đầy viên mãn sơ nguyên (Etat androgynique originel est l'état humain complet dans lequel les complémentaires au lieu de s'opposer l'équilibrement parfaitement ?) tức là trạng thái viên dung khi hai yếu tố nam nữ rất quân bình.

Dùng tưởng đó là một hình ảnh văn chương sống sảo nhưng là một thực trạng tâm linh lâu lâu được nhắc nhở tới cách xa xôi như trong truyện Eva được nặn ra từ một xương sườn cụt của Adam. Những câu chuyện ẩn ẩn hiện hiện đó đều là để nói đến một trạng thức viên mãn nhưng đã mất hút trong xa xưa nên chỉ có thể dùng lời bóng bẩy hay kiểu biểu tượng như Kinh Dịch gọi là Tiên Thiên Hậu Thiên hay đôi âm dương xoắn xuýt ăn ngò vào nhau mà trong truyền thống nhân loại bất kỳ ở đâu chúng ta cũng có thể nhận thấy.

Tất cả những truyện đó đều ám chỉ thời thái sơ huyền diệu mà con người cơ mang nhớ tưởng, bởi vì cái thái sơ cũng là cái rất bây giờ nên lâu lâu lại nghe tiếng gọi tuy vô ngôn nhớ có khi thiết tha nài nỉ, có khi thao thức xa xăm nhưng đủ cho người nhận thức ra tình trạng ly tính: nhận ra mình như một lữ khách tha hương đang đi trên đường để đáp lại tiếng gọi của Ai kia đang mong nhớ, đón chờ đang tái thiết trạng thái sơ nguyên và tỏ nỗi bất nhẫn bằng những câu kiểu "thất thị viễn nhi". Nhà xa quá ta!

Và chính sự tìm về thống nhất đó mà ta gọi là Tâm tư, tức là lòng canh cánh rạo rức tìm trở lại với cái tôi căn để cái Đại Thể tâm linh cũng gọi là "khắc kỷ" tìm lại cái "mình" chân thực, cái "kỳ trung" uyên nguyên của "nhơn chi sơ" khi tính hầy còn tròn đầy trong thiên quân tinh tuyền vậy.

Tiếng gọi đó khởi xuất hiện chung quanh tuổi "nhị bát". Chính vì một lý do ẩn nhiệm ấy mà Điem lấy tuổi "đồng tử" làm lúc khởi đầu công việc tự giáo dục lại mình cũng chính vì đó nên không có thầy nhưng có bạn. Vì thầy có thể làm nhụt tính tự chủ tự động hoặc bằng quyền uy, hoặc bằng mặc cảm tự ti mà vô tình sự hiện diện của thầy gọi ra, là điều không còn hợp cho lứa tuổi đôi mươi. Ở tuổi này cần phải vun tưới óc tự lập. Vì thế ngay đến nước cũng dùng lối tự động nghĩa là mình tự tắm, chứ không ai rửa cho mình, bất cứ cái gì không giúp vào việc vun tưới óc tự chủ cũng bị gạt bỏ lại.

Ở vào tuổi này tự mình phải phát triển tư cách, phát triển tự chủ tự lập, nên một nền giáo dục căn cứ trên Minh triết phải trừ liệu những tục lệ xuất phát, những lễ tuyên dương óc tự lập như kiểu lễ Gia Quan. Và có lẽ vì thiếu những lễ đó trong nền giáo dục hiện đại nên mới nảy ra nhiều hiện tượng phản loạn chống lại gia đình, hoặc nhiều khi muốn xa gia đình để vun tưới và củng cố bản lĩnh tự lập như chim tự lập bay ra ràng.

Ở tuổi dậy thì mà gặp được bạn tốt, những tư tưởng chân chính hướng dẫn thì con người sẽ tiến những bước rất hệ trọng trên nẻo đường tìm trở lại với Đạo Thể Viên Dung là cứu cánh cuộc đời vậy.

4.- Hoạt trường của Triết gia

Trước hết nên minh định rằng triết gia vẫn có thể làm luân lý, tôn giáo, làm chính trị, nhưng làm như chuyện cấp thời, như một việc có thể đi đôi (compatible) với triết nhưng không là triết cũng như bác sĩ làm chính trị: chính trị không do cái học chuyên môn của Ông nhưng chỉ là nhiệm vụ công dân, như lý tưởng của Ông xét là người, không cần phải học y khoa Ông cũng vẫn làm việc chính trị. Với triết gia cũng thế, tuy luân lý chính trị có liên hệ với triết nhiều hơn, nhưng không là căn bản, đây mới là chiến lược hoặc chiến thuật là những được tùy thời, thế, cơ, còn triết lý nằm ở chỗ cùng lý, tận tính ở trung tâm chứ không ở ngoài ngành ngọn chu vi biến đổi.

Điều cần chú trọng thứ hai là hiệu nghiệm với triết, có người chê Hégel vì biện chứng đẹp đẽ của Ông nằm chình ình bên những cảnh xã hội không đẹp chút nào, do đó hoài nghi luận triết học của Hégel.

Phê phán như thế là quá ngặt. Thuyết Hégel có đúng hay không, trước hết chúng ta hãy xét nội tại chủ trương đó, nếu được thì ta cần cho là được. Không nên bằng vào tình trạng bi đát của xã hội thời Ông mà

kết án, vì như thế là đòi hỏi ở triết quá nhiều. Ngay những lần ông trời xuất thân (avatars) cũng chẳng làm nổi. Sau cùng vẫn cái nạn bất công, áp bức hung tàn như trước, có biến đổi gì đâu? Huống chi các triết gia làm sao hơn được? Vì thế, nếu có những chế độ bất công thì ta nên xét chủ trương triết gia rasao, chẳng hạn chế độ nô lệ ở xã hội Hy La được Aristote, Platon... biện minh thì ta gạt bỏ chủ trương của hai Ông đi vì lý do nó đàn áp tự do con người. Ngược lại giả thiết rằng hai ông đưa ra một nền Nhân bản trung thực nên bác bỏ chế độ nô lệ, nhưng xã hội chưa chịu chấp thuận nên vẫn cố duy trì, thì bấy giờ ta chưa nên vì đó mà chê chủ trương hai ông mặc dù không hiệu nghiệm. Một xã hội không đẹp có được những lời đẹp dẫu sao cũng vẫn còn đẹp hơn những xã hội không đẹp với những lời không đẹp.

Điều cần xét là những lời đẹp kia có bắt nguồn từ những Nguyên lý sâu xa của triết lý hay chỉ là những lời đẹp cầu âu: may mà trúng. Ở bình diện thế gian chỉ thế có những lời cầu âu nghĩa là trúng hay trật là điều may rủi do lương tri chứ không phải do nguyên lý căn rễ của triết. Tuy nhiên lời đẹp cầu âu vẫn có giá trị hơn lời cầu âu không đẹp.

Nhưng trong phạm vi triết lý nếu đã là cầu âu thì cái đẹp lại càng là có che mắt học giả, khiến họ vì những lời đẹp kia mà không thấy chỗ thiếu sót tự căn cơ. Sở dĩ triết học lý niệm đã sống lây lất được hai mươi thế kỷ cũng vì những lời đẹp cầu âu kiểu đó.

Triết học gây ảnh hưởng rất sâu nên cũng rất khó lòng kiểm thảo ngay được hậu quả.

Cái lợi hại mà cũng là cái phiền toái của triết nằm ở chỗ đó. Nhân thấy đứng trước câu hỏi: nói dễ hay làm dễ? Chúng ta nên thưa:

Nói dễ

Làm khó

Nói trúng khó hơn

Nói lời uyên nguyên khó nữa.

Nói kiểu luân lý hình thức, nói kiểu giảng giải lên mặt thầy đời, nói kiểu chỉ tay năm ngón... tất cả đều dễ ợt, dễ hơn làm gấp bội lần, ai nói cũng được vì toàn là những chuyện ăn làm, thị phi theo lưu tục, hiện rõ ra trước tai mắt mọi người ai mà không thấy.

Vì ý kiến (opinion) thì ai không có, cũng như ai cũng có thể biết rằng nghe ngóng tin tưởng vào người khác, nhưng đó mới là cái biết từ ngoài chưa phải là cái biết triết lý nó hệ tại cái trực giác tự nội tâm phát ra, và người ta cần phải tẩy trừ "ý kiến" cũng như những cái biết bằng "tai nghe mắt thấy" thì mới mong đạt cái biết trực giác. Nhiều người học triết không hiểu chỗ đó thấy người ta kêu triết không đưa tới hậu quả nhân tiên, liền muốn sửa lại triết lý cho nó "nhập cuộc" bằng xuống đường, bằng hô một vài khẩu hiệu v.v... Làm thế đã tỏ ra nhằm sự phản khí của triết lý với phản khí của chính trị (furor philosophicus khác với furor politicus). Thứ sau này có tính cách thời sự nhiều khi cấp tính, nó thuộc về ngày hôm nay mà "ngày hôm nay là ngày của đám tiếu dân" (Nietzsche). Vì những cái hiện tại bao giờ cũng bị quy định do khu vực, nên chỉ có giá trị nhất thời và hời hợt mà triết lý là việc siêu thời sâu thẳm. Câu "nói dễ" thuộc về đương thời, bày ra trước tai mắt nên ai cũng nói được, vì thế mà gọi là "nói dễ". Trên đọt nói dễ này còn có đọt nhì "nói khó" nghĩa là đưa ra những phương pháp những phương thức cụ thể, những kế hoạch tỉ mỉ... để giải quyết những vấn đề thuộc xã hội hay chính trị, kinh tế v.v... Khó hơn

nhiều vì nó đòi hiểu biết nhiều mới hy vọng tìmra những giải pháp hữu hiệu. Tuy vậy đó cũng mới là việc của lương tri thông thường và hậu quả chỉ hạn chế trong một năm, một thời kỳ, người thông minh quen thuộc có thể tìm ra, tuy không chuyên về triết lý.

Sau cùng mới đến triết lý nhằm bàn giải các vấn đề nhân sinh căn bản của con người xét là người với nhân tính của nó vì thế gọi là siêu thời gian, nên Nietzsche gọi là phi hiện thực (inactuel), chẳng hạn vấn đề "làm thế nào để suy tư thành tựu" hoặc vấn đề về mối liên hệ giữa trời đất hay cứu cánh uyên nguyên con người v.v... là những vấn đề muôn thưở.

Thiết lập được một nền triết lý như thế đầu chỉ bằng lối "tỏ thuật" mà thôi thì ơn ích có thể kéo dài từng trăm từng ngàn năm. Tuy nhiên đó là chuyện hy hữu, vì nó ở mãi đọt căn cơ, chỉ cần một lời, nhưng là lời quán thông bao gồm được mọi khía cạnh. Làm sao nhìn nhận ra được lời đó giữa cảnh ồn ào muôn lời tào lao huyền ảo. Đó là chuyện vốn tự thân đã khó lại còn khó thêm ở chỗ sâu xa. Tuy nó thiết thực, nhưng sâu thẳm nên người ta dễ lẫn với triết học lý niệm băng quơ. Do đó triết lý chân chính cũng trở thành khó được truy nhận y như khó có một triết gia biết "tỏ thuật" vậy.

Tỏ thuật là tìm ra chỗ then chốt làm cho các vấn đề ăn chịu với nhau cách linh động do nguồn sinh lực tuôn trào ra tự lời uyên nguyên để soi sáng vào mọi ngõ ngách tâm hồn.

Đó mới là cái khó vô biên, cái "tri nan hành dị" của Vương Dương Minh. Đó mới là cái tri mà người ta chờ mong ở nền Minh triết chân thực. Vì chỉ nó mới có cái.

"Tri viễn chi cận.

Tri phong chi tự

Tri vi chi hiển"

知遠之近，

知風之自，

知微之顯， (T.D 33)

"Biết cái gần của cái căn cơ xa thẳm.

Biết chỗ ngọn nguồn do lai của luồng gió.

Biết được chỗ tế vi của những cái đã hiển hiện ra trước mắt".

Biết thế mới nói lên lời sáng soi sống động gây nên một nếp sống mới. Đó là cái biết tế vi ngọn nguồn, cái biết của triết gia, chứ không là cái biết gần gũi của cái gió đã tạt vào mặt, thổi ù hai tai. Cái biết đó là cái biết cầu âu của "nói dễ làm khó". Còn cái biết của triết chân thực khó hơn cả trăm lần nên nhân loại mới quý hóa triết gia chân chính, và trải từng ngàn năm, lời nói các Ngài vẫn được coi như di sản thiêng liêng, vẫn là một trong tam bất hủ (đức, công, ngôn).

Đừng thấy xa xôi mà nóng ruột. Văn minh hiện nay là cái văn minh "lắm mồm" của civilisation bavarde de bla, bla, bla... con người bị ngập lụt trong lời nói sách vở, báo chương, nhưng con người vẫn thấy đói lời. Vì chưa có một lời rọi tia sáng và sức nóng vào các lời lẽ tẻ, nên con người vẫn xài tạm một số lời có ít nhiều chất nuôi phần lớn là khuyến khích thiện chí nhưng không soi sáng được tâm hồn như những mô luận lý hình thức, triết học câu âu, tôn giáo vu nghiễn v.v... và vẫn chờ mong trong khắc khoải "Lời" sáng soi đầy sinh lực của hiền triết.

Loài người đâu chỉ có sống vì cơm bánh, nhưng còn sống vì lời Thiên khai. Nơi triết lý phải hiểu Thiên khai là Tâm khai, khác hẳn với những lời phát xuất từ lý trí, cảm xúc, dục tình, cái đó tràn lan ngập lụt. còn lời Thiên khai từng trăm năm đã vị tất được nghe.

Và đâu có nó thì người ta quý hóa duy trì, và nó sẽ sống mãi mãi với nhân loại để làm lương thực tinh thần, để làm đèn soi cho con thuyền bập bênh trên những sóng cuồng ngôn hàm hè nuốt chửng "Lời tự khai minh" ra vậy.

Triết học là cốt học phương pháp đi tìm "Lời" đó. "Lời không nói ra được" hay đúng hơn "Lời" không chút chi lệ thuộc vào những lời tầm phào phiến diện nên rất linh động. Vì thế mới dạy phải ngược chiều trở lui, lui mãi qua các đợt chèo xuống đến chỗ cùng cực đằng lái. Đây mới là hoạt trường của triết gia, đây mới là nơi có thể tìm ra căn cơ giường cột "venenum in cauda". Nọc quý dấu ở đuôi. Đom đóm sáng đuôi đít tức là chỗ chí cực như Trang Tử bảo: "**Đạo vật chí cực**". Đạo nằm ở chỗ cùng cực của mỗi việc làm đến trọn hảo, ở lời phát xuất tự sâu thẳm của tâm hồn.

Nho giáo bảo người quân tử phải "thối tàng ư mật", trở lui đến chỗ ẩn tàng mắt không thấy, tai không nghe, để tìm ra chốn "hội thông" của vạn vật trong muôn ánh sáng là vì đó. Để rồi từ đó trở lại soi sáng vào mọi công việc thường nhật từ nhỏ tới to.

Thành ra môi trường của triết lý Nho Việt là khắp hết tự tu Thân đến tề gia rồi lan ra tới trị Quốc bình thiên hạ, nhưng điểm phát huy ánh sáng phải là cái Nội ngã Tâm linh vậy.

(1) Câu này trích trong sách Đại Học, phân kinh, chương 1 (Kinh nhất chương Đại Học Chi Đạo); sách Đại Học do Tăng Tử, con của Tăng Tích, truyền; không hiểu sao KĐ cho là của Tử Tư. (Trương Củng chú thích)